



# CHƯƠNG IV

# THỦY QUYỀN

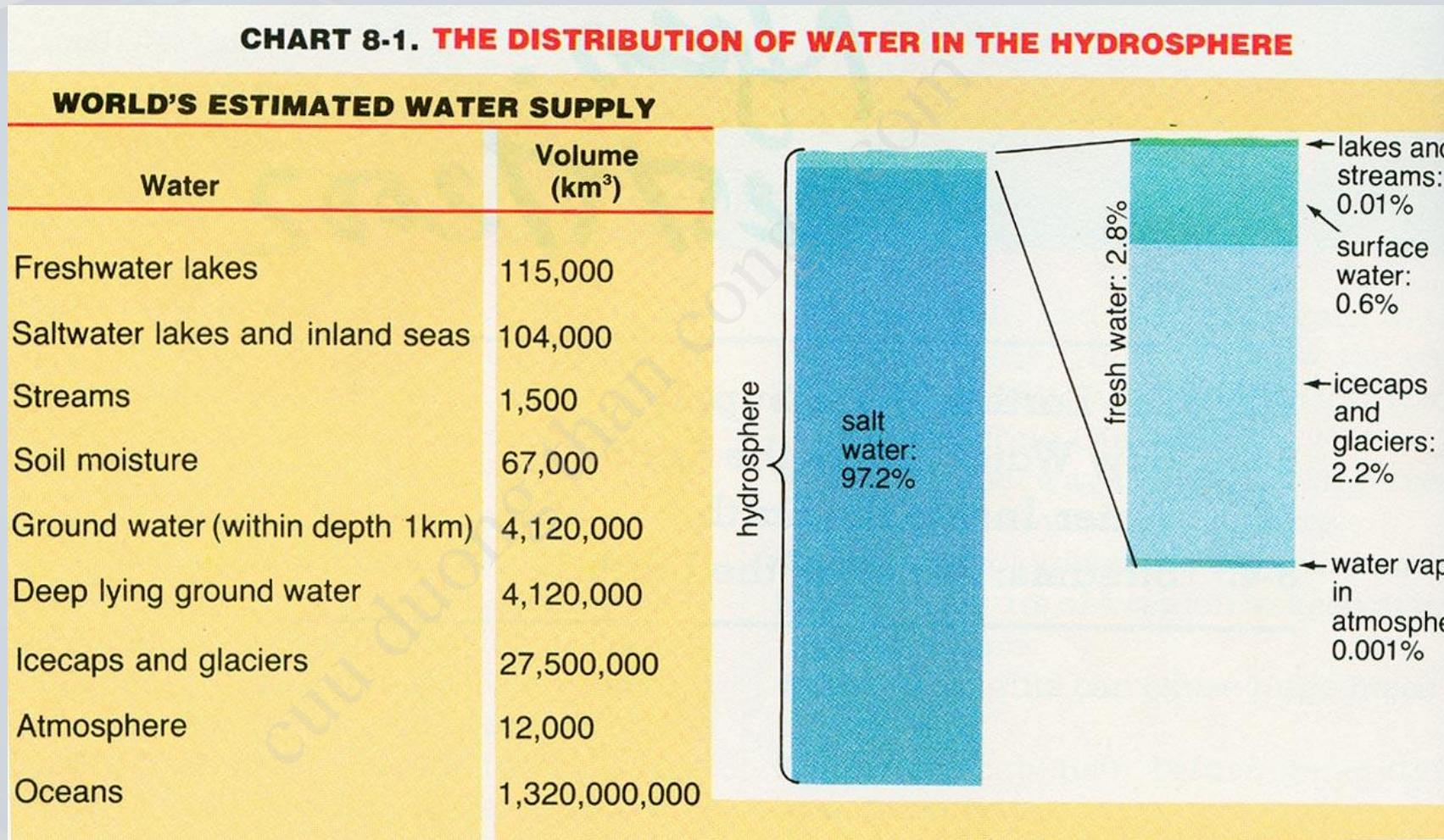
# MỤC TIÊU:

- Trình bày được sự phân bố của nước trong thuỷ quyển, chú ý tỷ lệ và phân bố của phần nước ngọt: nước dưới đất và nước chứa trong sông suối, ao hồ.
- Mô tả các đới nước dưới đất; sự tích trữ, sự di chuyển và khai thác nước từ trong đất. Nêu các ảnh hưởng của việc khai thác nước dưới đất
- Mô tả các thể nước trên mặt đất: nước trong các sông suối, ao hồ. Tích trữ, vận hành của các thể nước này và một số vấn đề liên quan: lũ lụt.
- Trình bày được thành phần và đặc tính của nước biển. Mô tả các quá trình vận động của biển: sóng, triều và hải lưu. Mô tả một số hiện tượng liên quan: El Nino, La Nina
- Mô tả địa hình đáy biển.
- Mô tả các nhóm SV biển; Biết giữ cho biển sạch và khoẻ.

# I. NƯỚC NGỌT TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Phân bố nước trong thuỷ quyển
2. Nước dưới đất (nước ngầm)
3. Nước trên mặt đất

# 1. Phân bố nước trong thuỷ quyển



# Nước: nguồn tài nguyên tái tạo!



# Chu trình nước (water cycle)

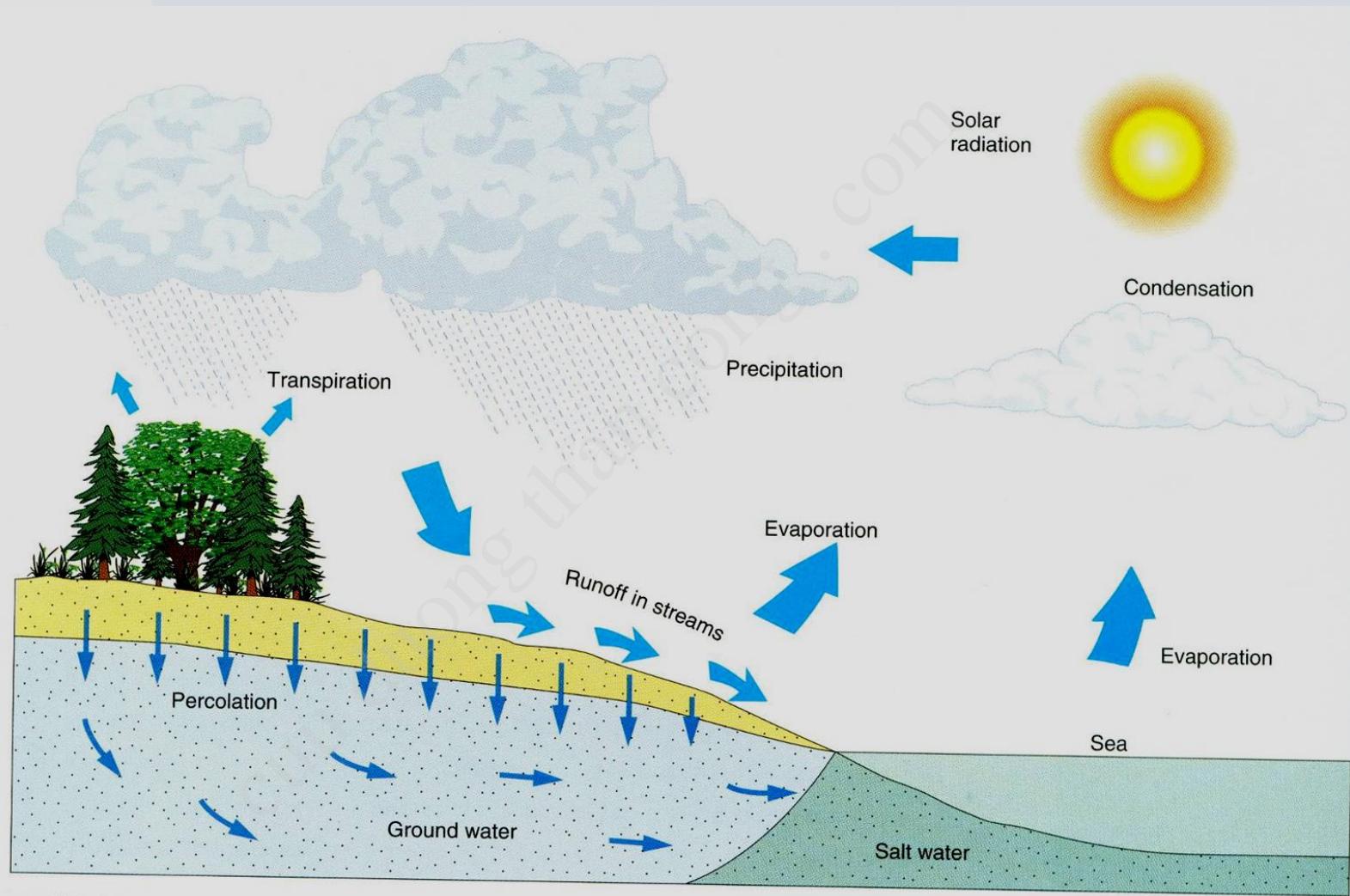
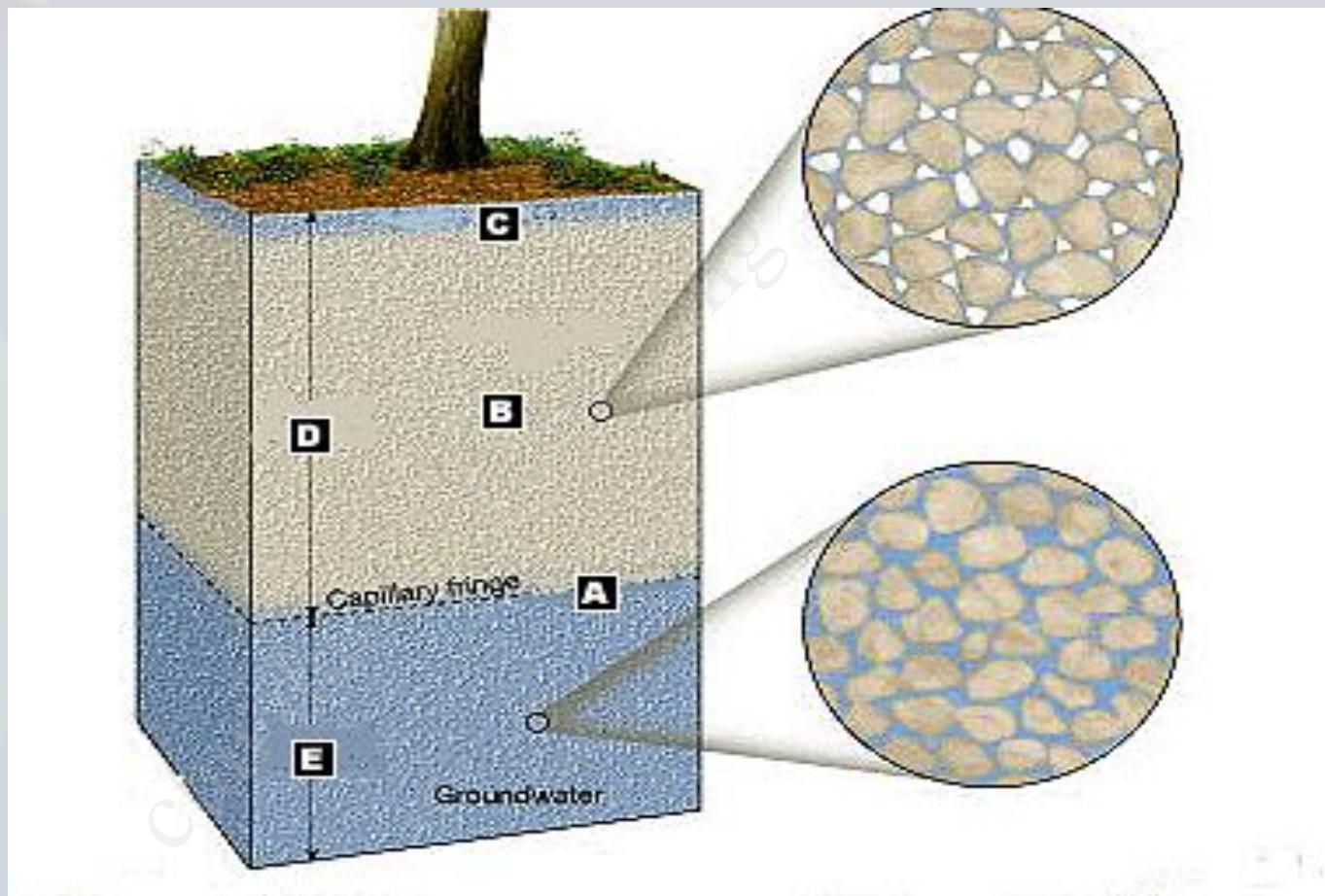


FIG. 10.1

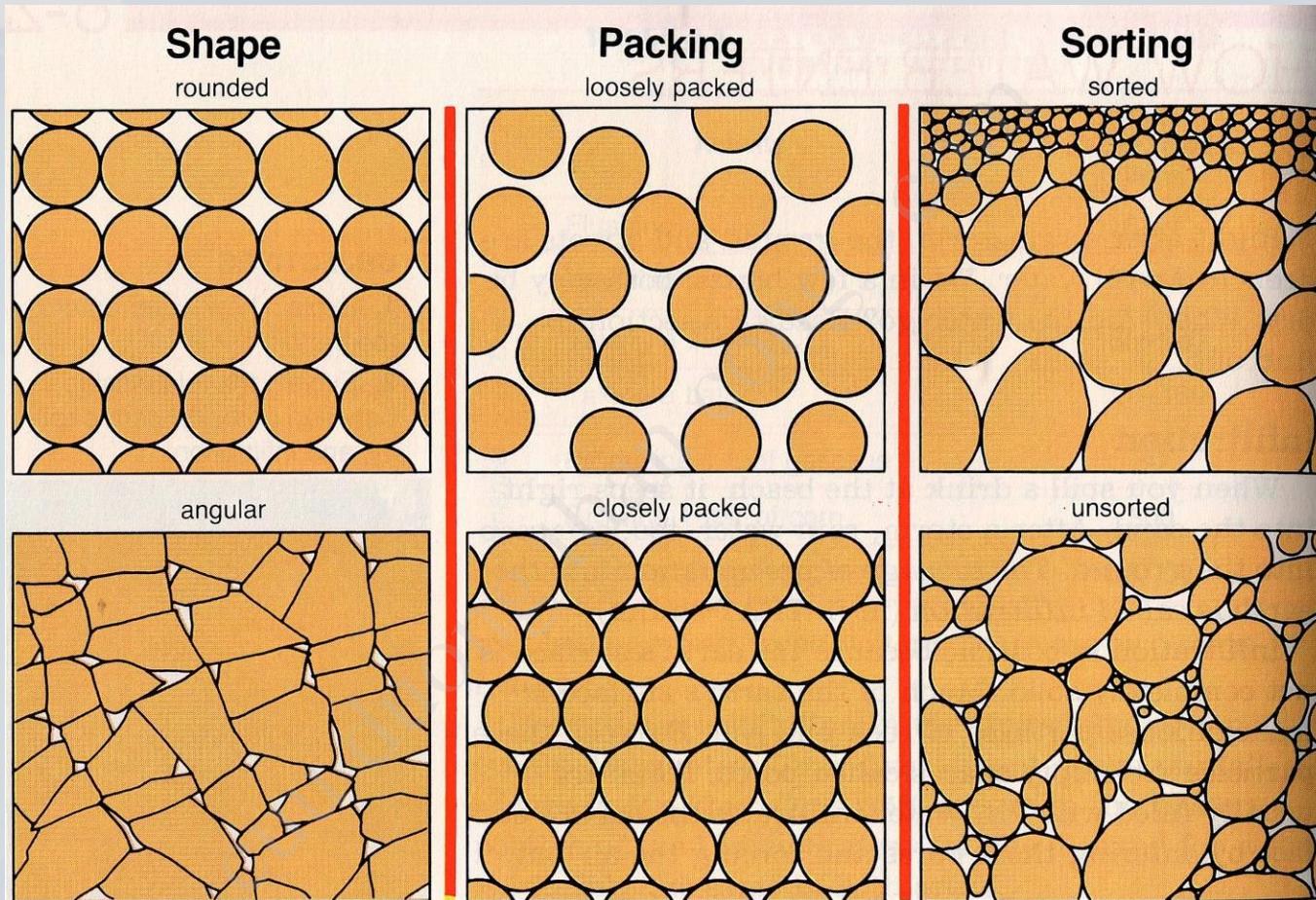
## 2. Nước dưới mặt đất

1. Phương cách nước đi vào trong đất:  
- Độ xốp và độ thấm của đất
2. Các đới nước dưới đất: độ sâu của mực thuỷ cấp
3. Sự di chuyển của nước dưới đất
4. Tầng chứa nước- Aquifer
5. Khai thác nước dưới đất: giếng có áp, giếng phun
6. Các vấn đề xảy ra do khai thác nước dưới đất

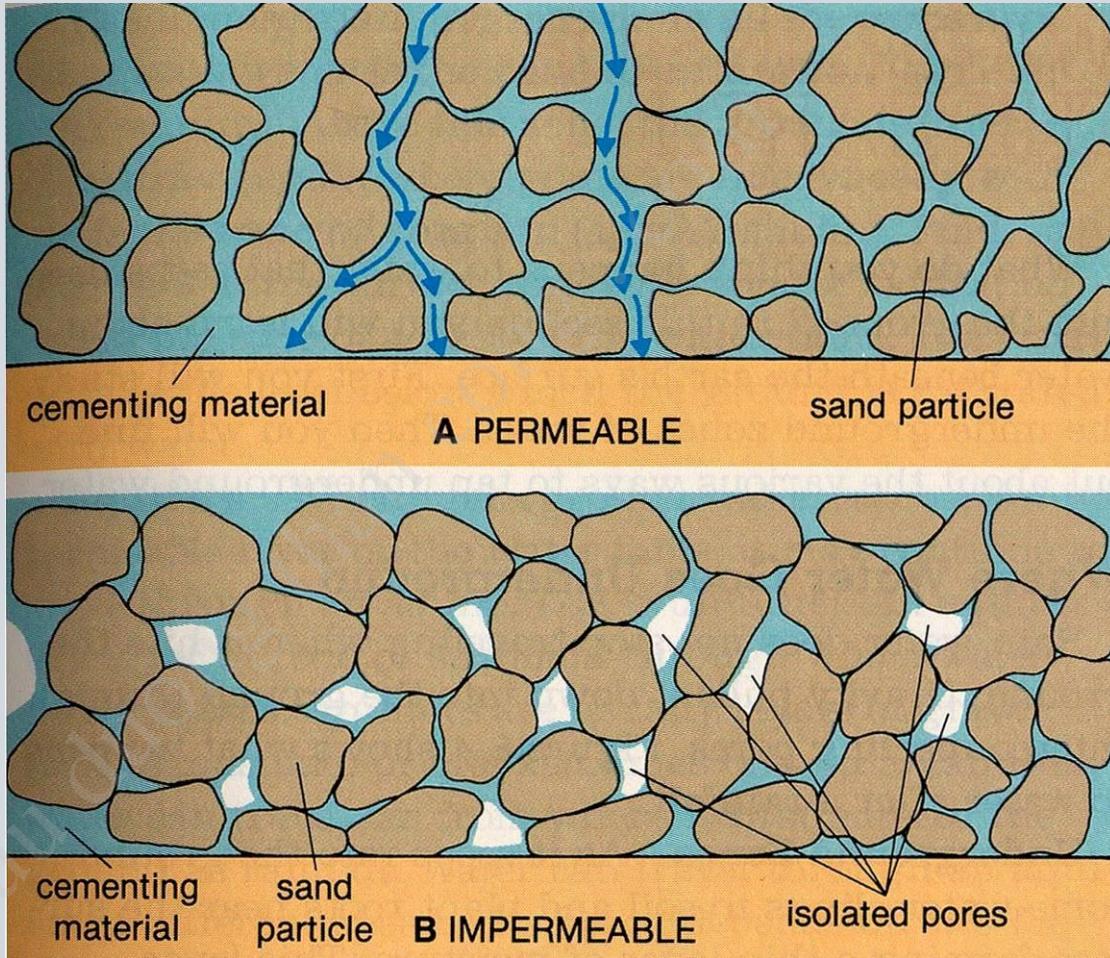
# Phương cách nước đi vào trong đất



# Các nhân tố ảnh hưởng đến độ xốp

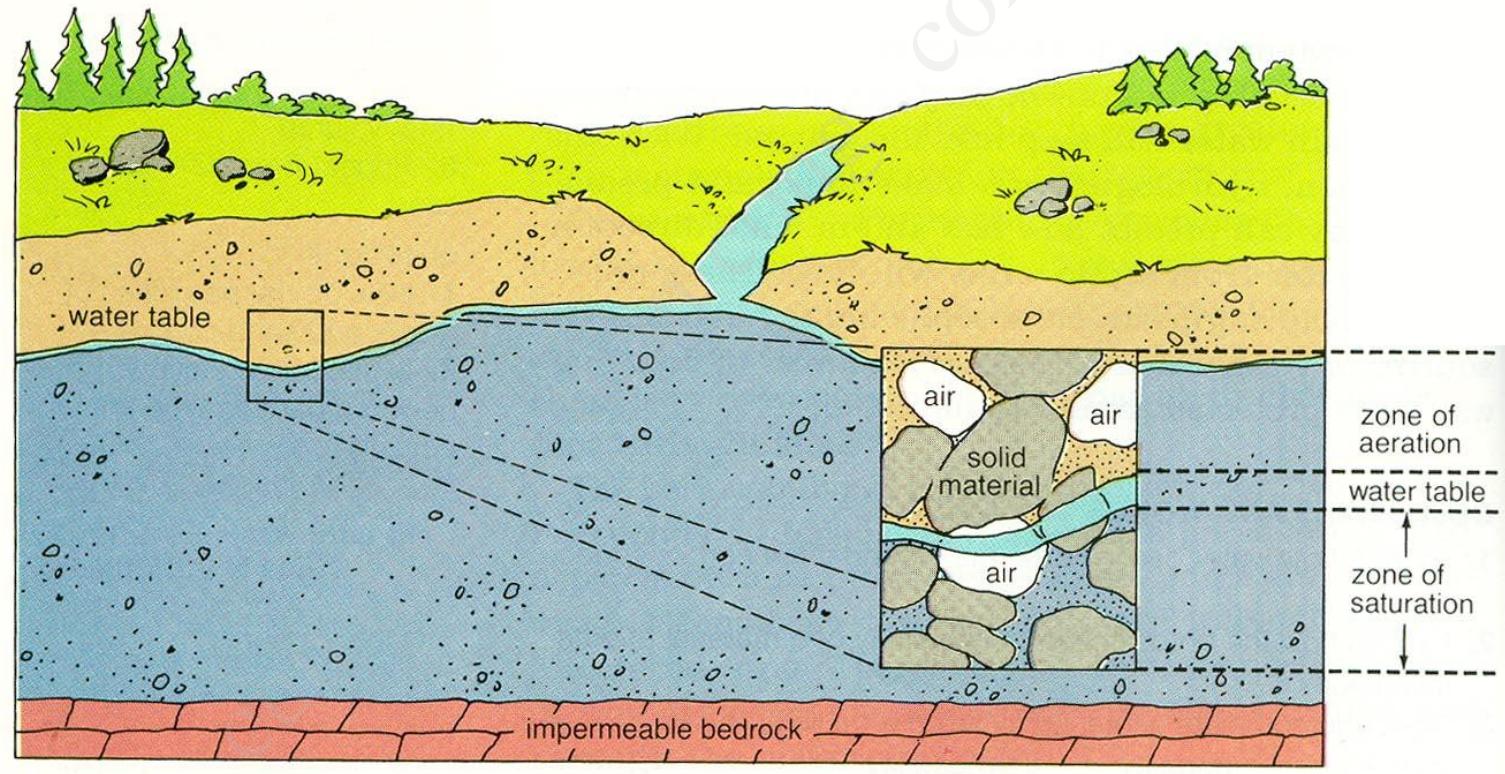


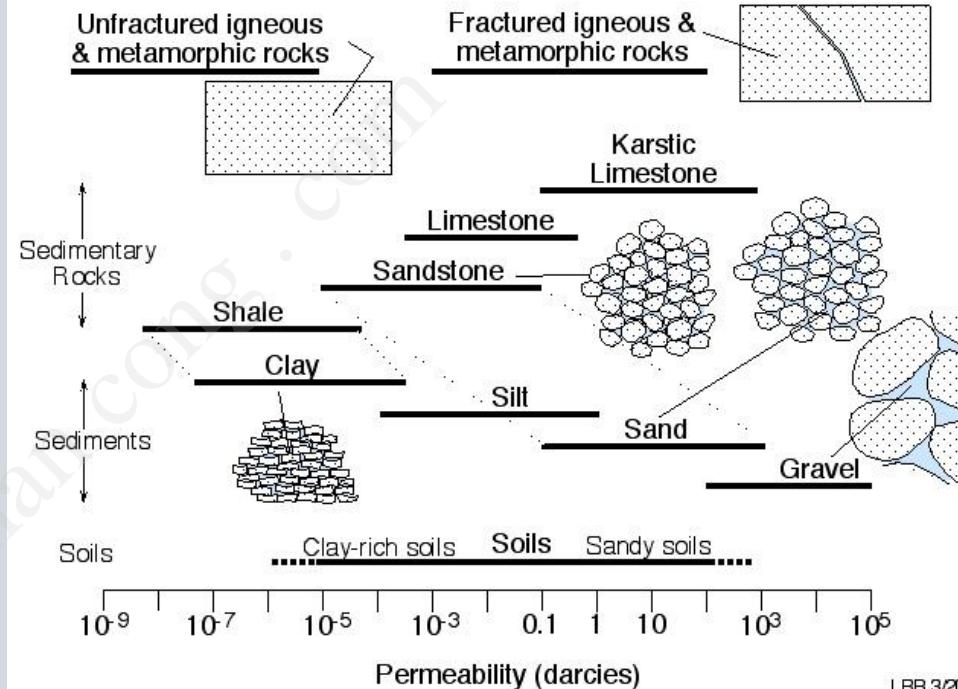
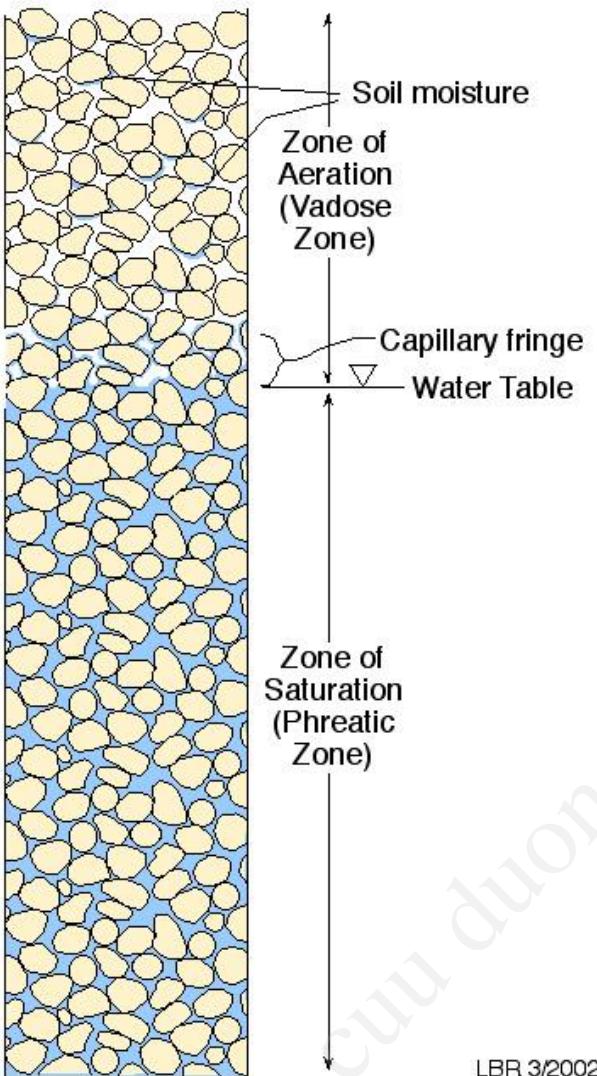
# Độ thẩm



# Các đới nước dưới đất

Figure 8-4. A cross-section view of underground zones of water.

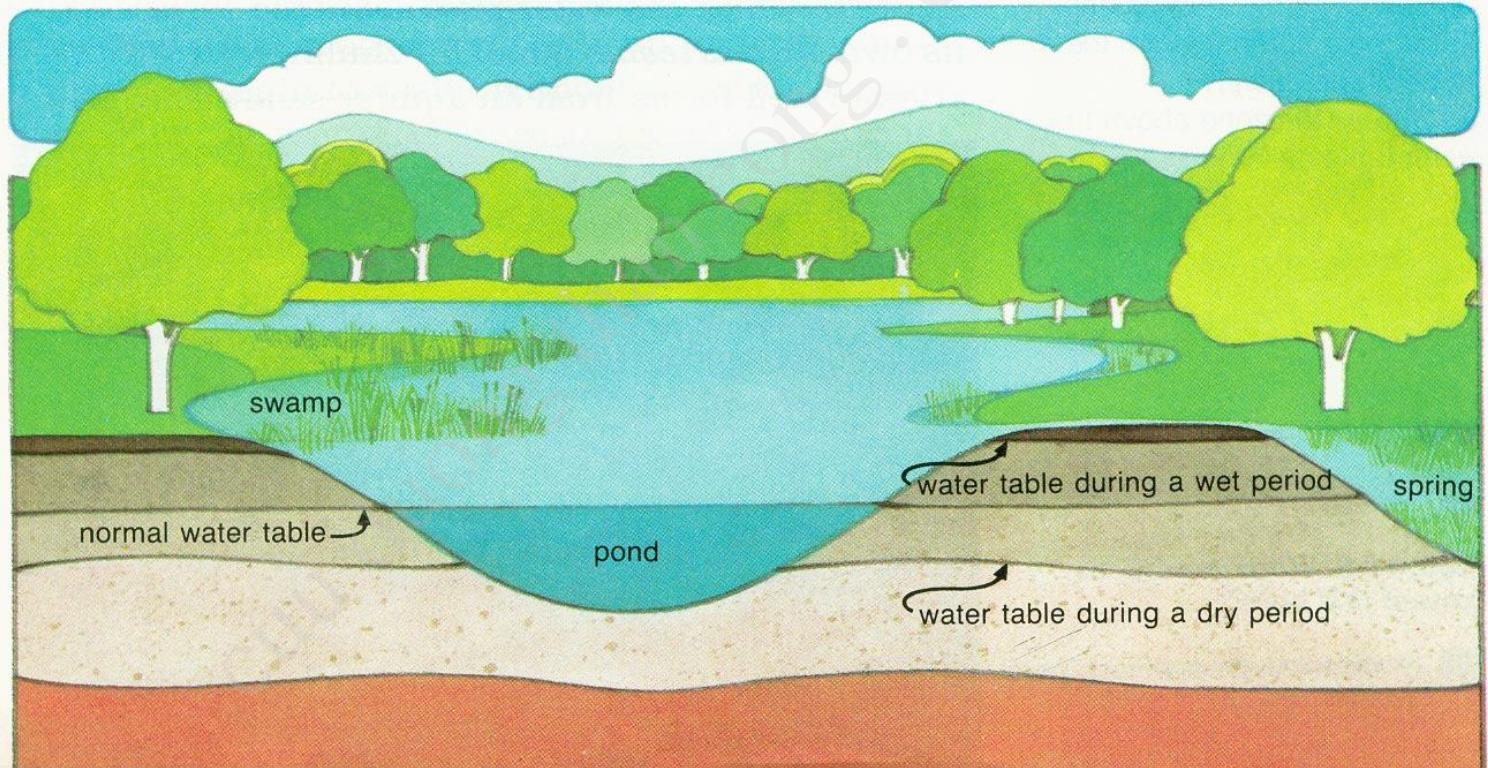




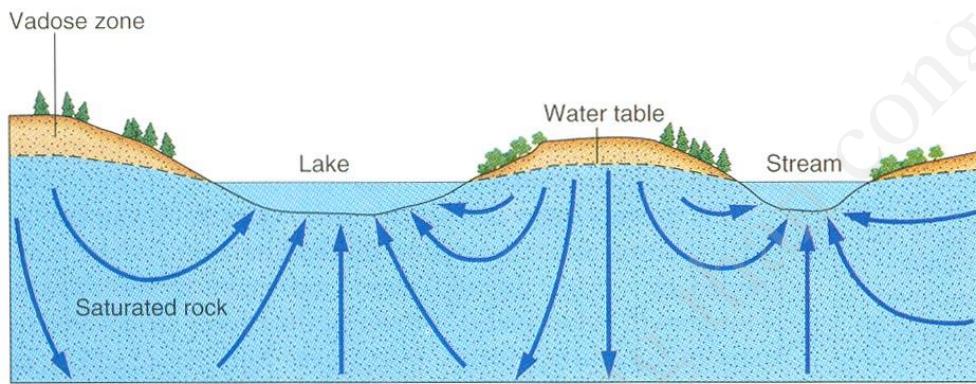
After Freeze and Cherry, *Groundwater*, Table 2.2. "Soils" line is largely an LBR inference.

# Đao động của mực thuỷ cấp

*Figure 8-5. The water table roughly follows the shape of the land. When it intersects the surface springs, swamps, and ponds may form.*

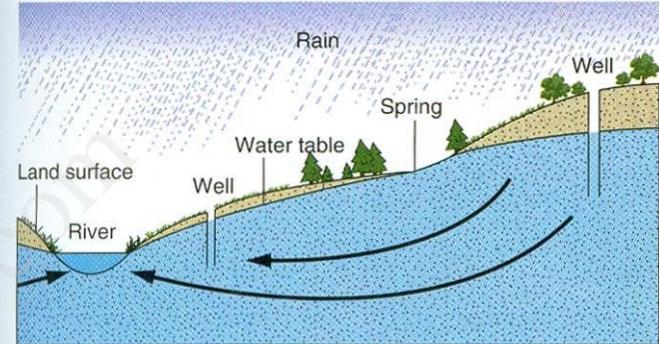


# Sự di chuyển của nước dưới đất

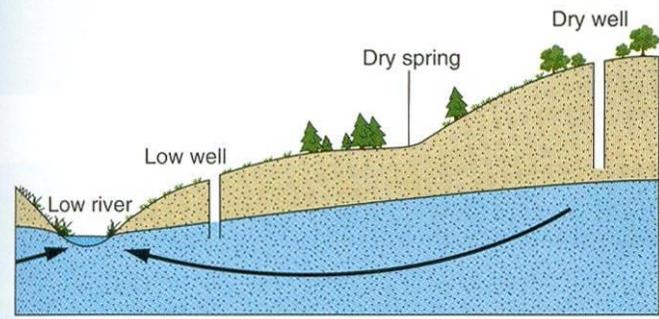


**Figure 11.3**

Movement of ground water beneath a sloping water table in uniformly permeable rock. Near the surface the ground water tends to flow parallel to the sloping water table.



**A**



**B**

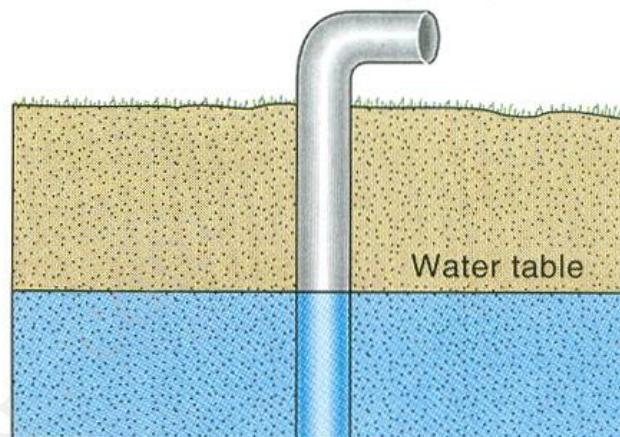
**Figure 11.7**

The water table in an unconfined aquifer rises in wet seasons and falls in dry seasons as water drains out of the saturated zone into rivers. (A) Wet season: water table and rivers are high; springs and wells flow readily. (B) Dry season: water table are low; some springs and wells dry up.

# Khai thác nước dưới đất

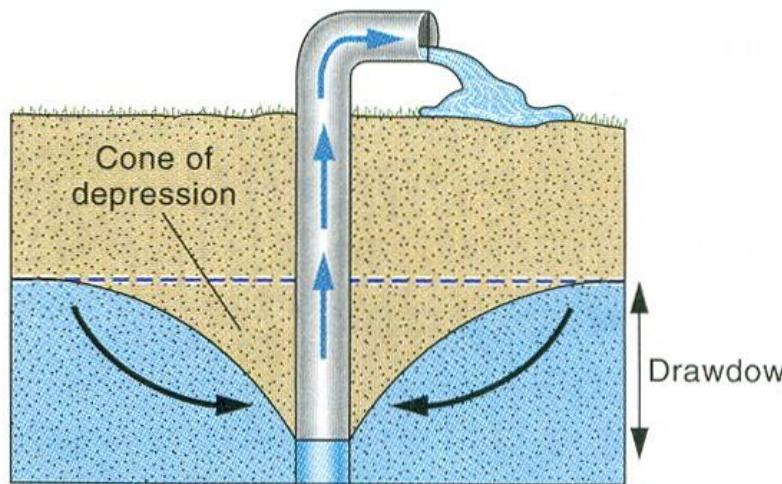
Hạ mực thủy cấp  
khi bơm hút nước  
dưới đất

Well (not pumped)



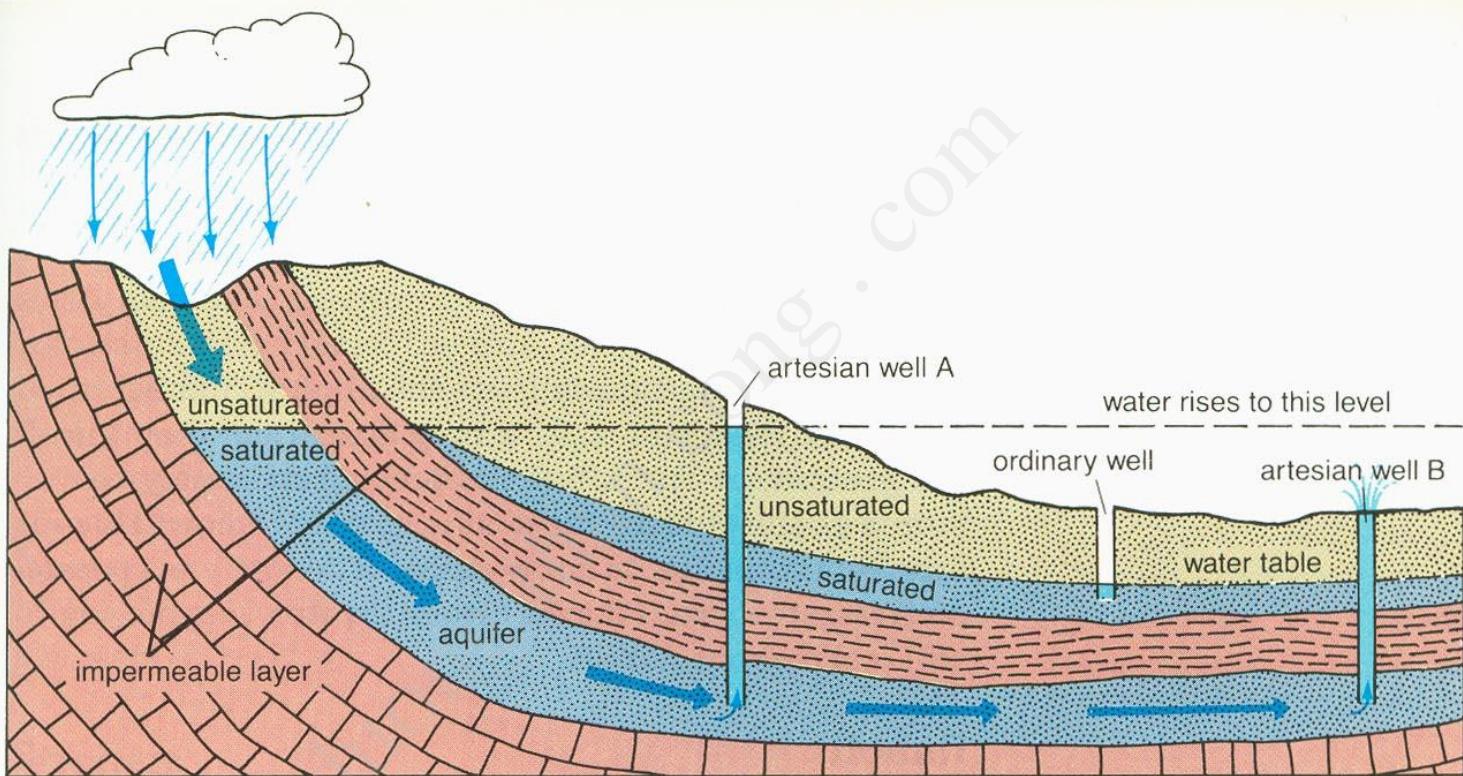
A

Pumping well



B

# Giếng có áp (artesi) và giếng phun



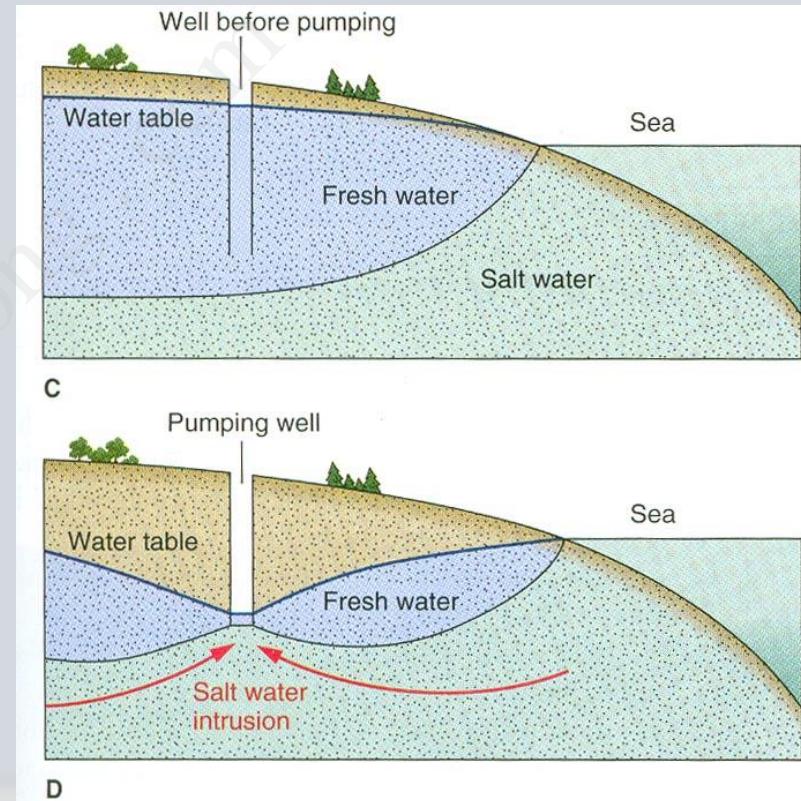
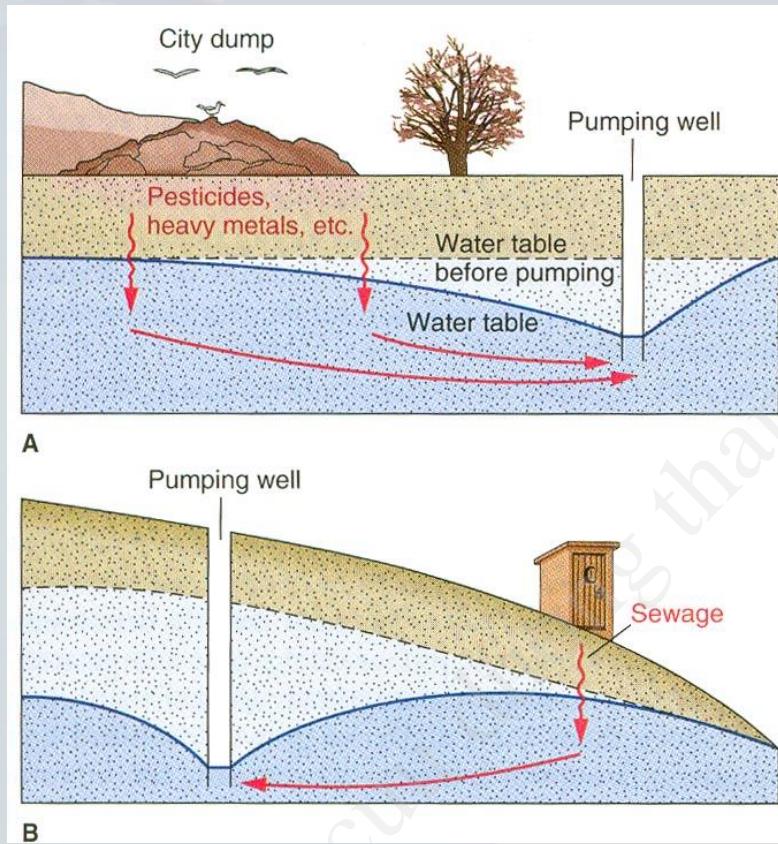
**Figure 8-7.** The amount of water pressure in an artesian well depends on the difference in height between the well and the water table.

# Các vấn đề xảy ra do khai thác nước dưới đất

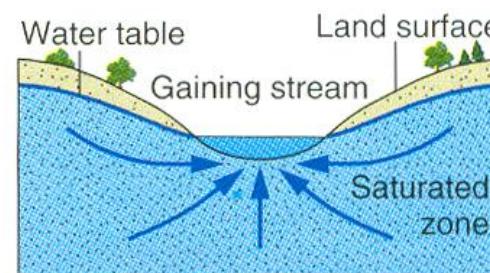
- Hạ mực thủy cấp
- Lún đất

Ô nhiễm nước dưới đất

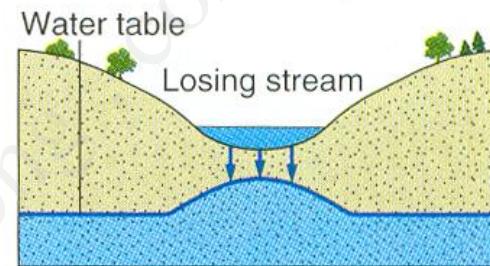
# Hạ mực thuỷ cấp làm giếng bị nhiễm bẩn và nhiễm mặn



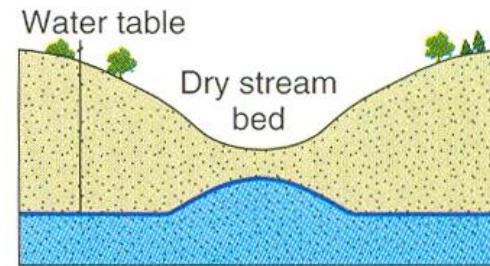
# Dòng chảy bị cạn nước do mực thủy cấp trong vùng bị hạ thấp



A



B

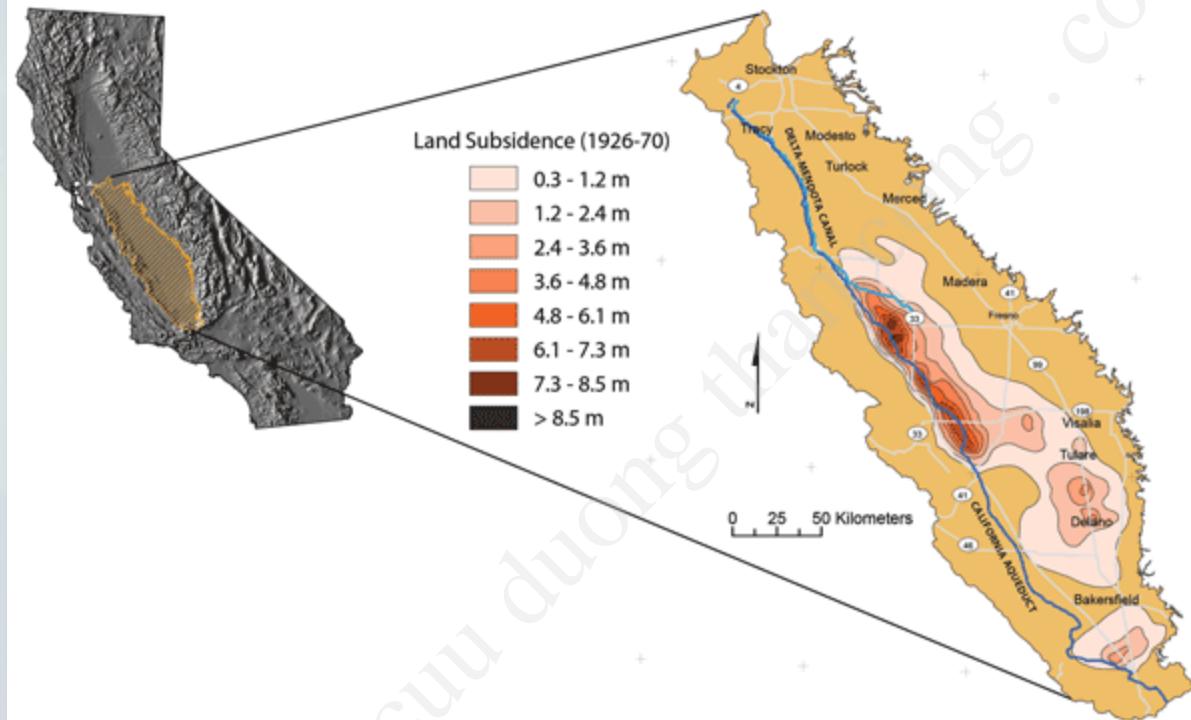


C

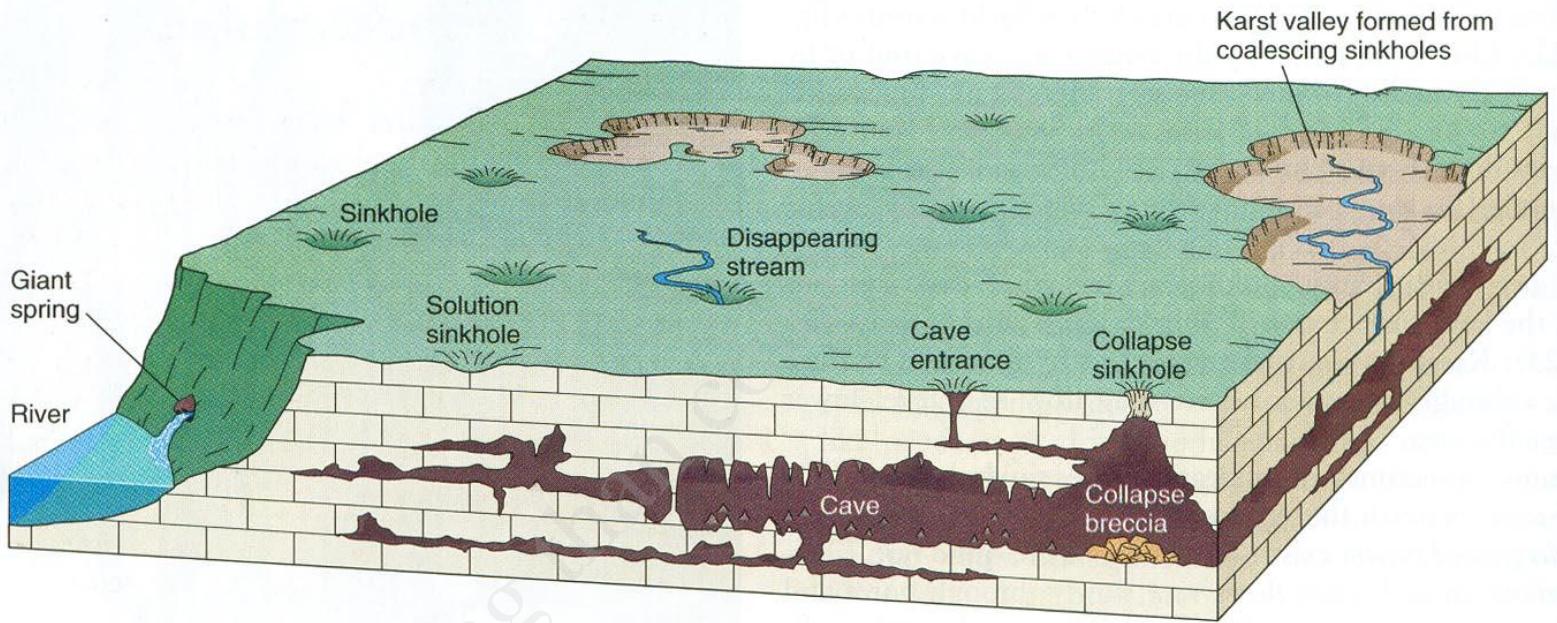
**Figure 11.13**

Gaining and losing streams. (A) Stream gaining water from saturated zone. (B) Stream losing water through stream bed to saturated zone. (C) Water table can be close to the land surface beneath a dry stream bed.

# Lún đất do khai thác nước ngầm ở vùng thung lũng California, USA



# Nước dưới đất hoà tan đá vôi tạo nên hang động ngầm



**Figure 11.23**

Karst topography is marked by underground caves and numerous surface sinkholes. A major river may cross the region, but small surface streams generally disappear down sinkholes.



## Hang động ở Phong Nha Quảng Bình





Vịnh Hạ Long



Thạch Lâm (Trung Quốc)

## Bề mặt dễ bị sụp tạo nên các hố trũng



Hố địa ngục ở Triết Giang (TQ)  
sụp ngày

Hố địa ngục ở Guatemala  
sụp ngày 29/5/2010

## Bề mặt dễ bị sụp tạo nên các hố trũng



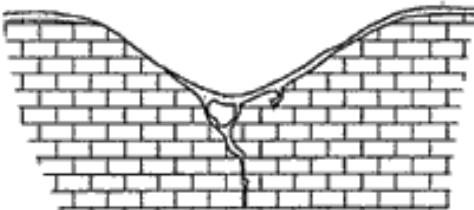
Hố tử thần trên đường  
Lê Văn Lương (Hà Nội)  
23/8/2012



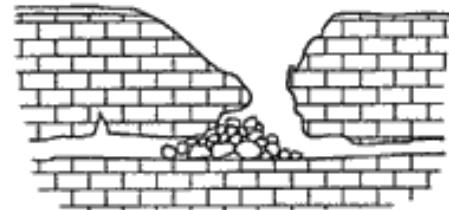
Hố tử thần trên đường  
Hai Bà Trưng (Tp.HCM)

# Sự sụt, lún của mặt đất do tác dụng của nước ngầm

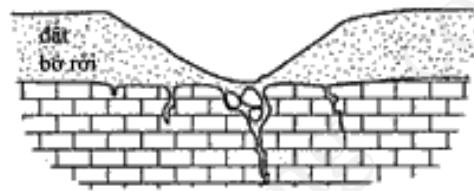
A. HÓ SỤT DO HOÀ TAN



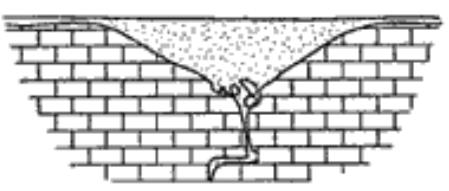
C. HÓ SỤT DO HẠNG ĐỘNG



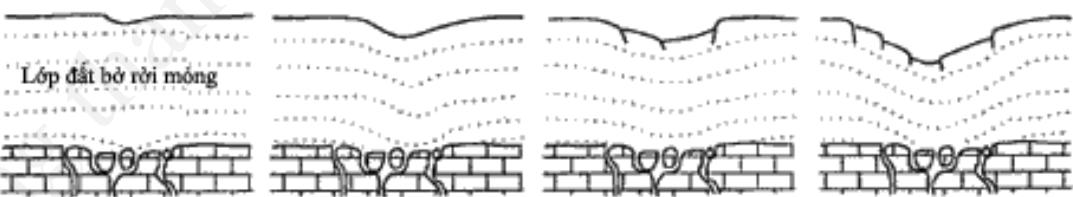
B. HÓ SỤT DO LÚN



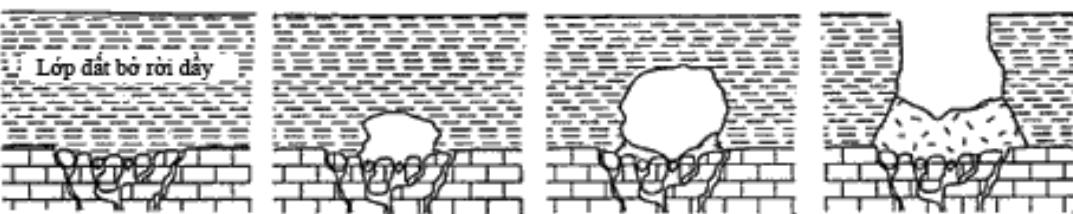
D. HÓ SỤT BỊ CHÔN VÙI



CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HÓ SỤT DO LÚN (CHẬM, TỬ TÙ)



CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HÓ SỤT DO SUP (DỘT NGỘT)



### 3. Nước trên mặt đất

1. Nước chảy tràn:
2. Nước chảy dòng
3. Kiểu hình dòng chảy
4. Dòng chảy
5. Lũ lụt

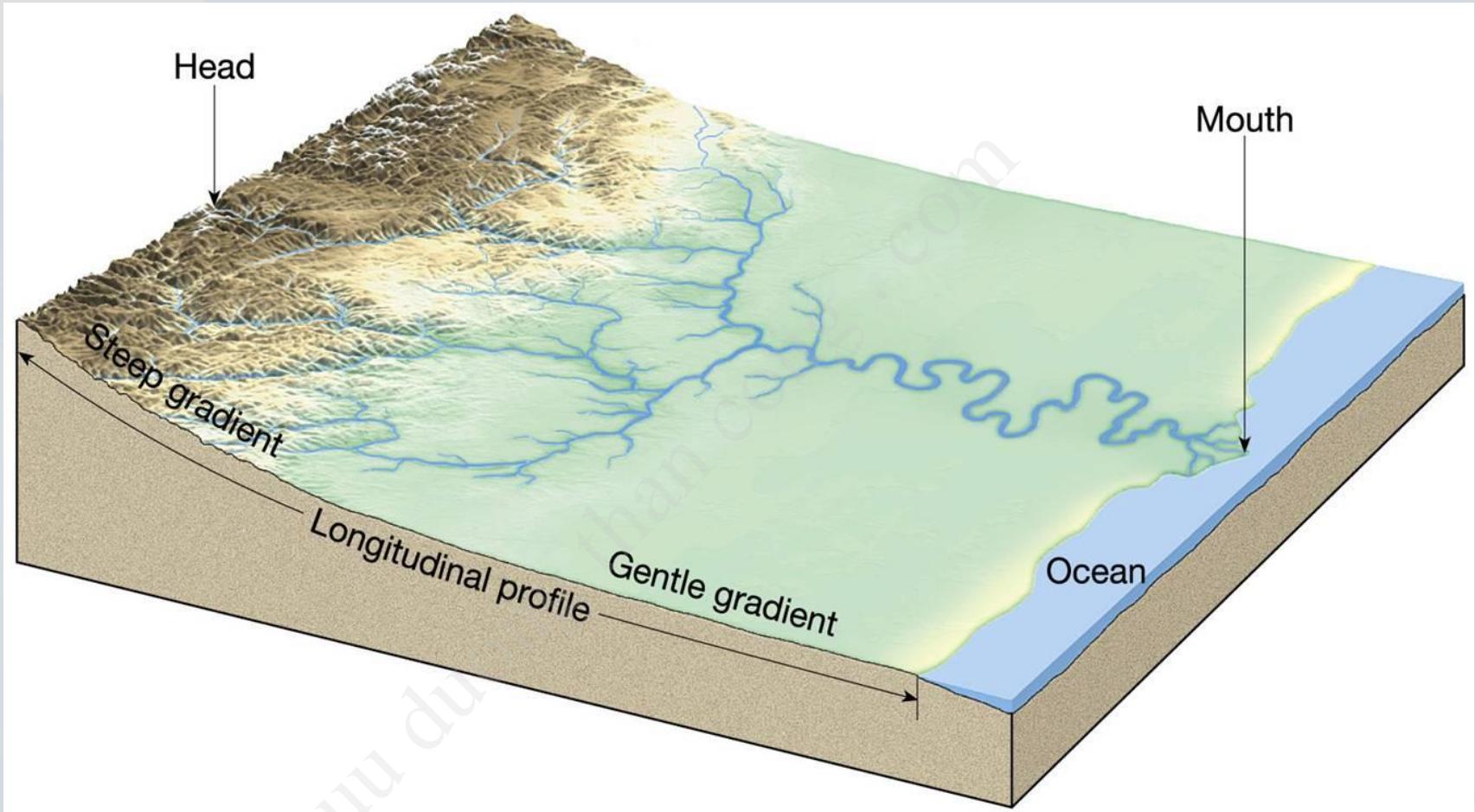
### 3. Nước trên mặt đất: nước chảy tràn, mương xói, rãnh xói



## Cánh quạt phù sa (nón phóng vật)

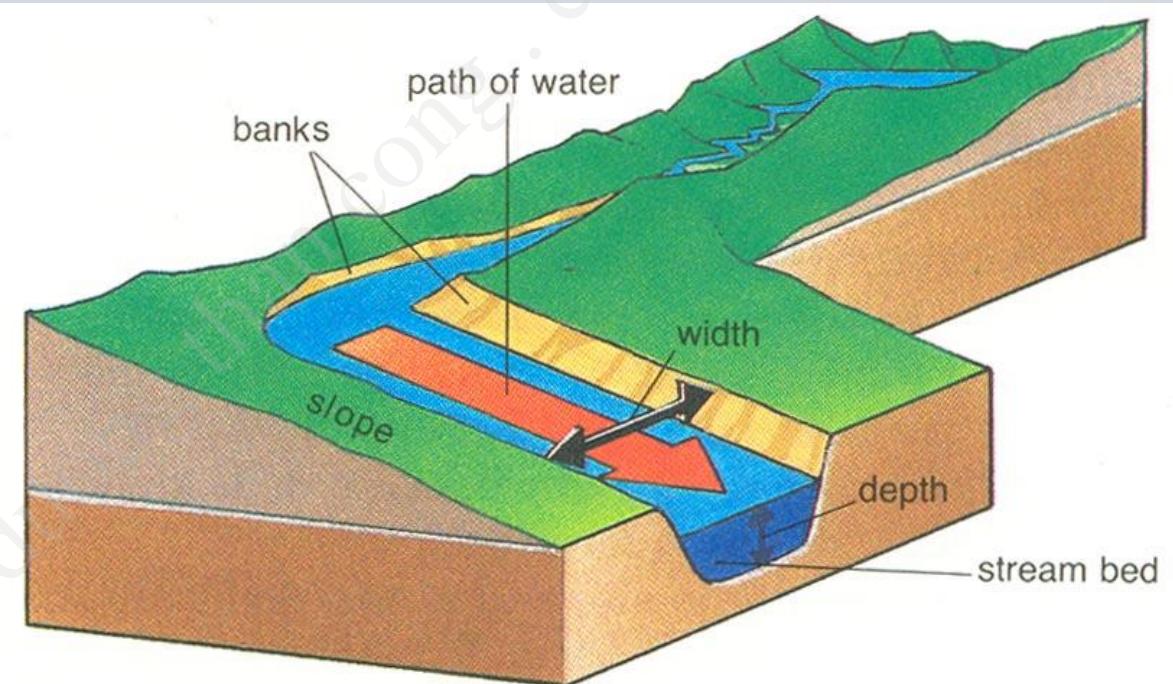


Photo taken by Martin G. Miller (from cover of Journal of Geoscience Education)



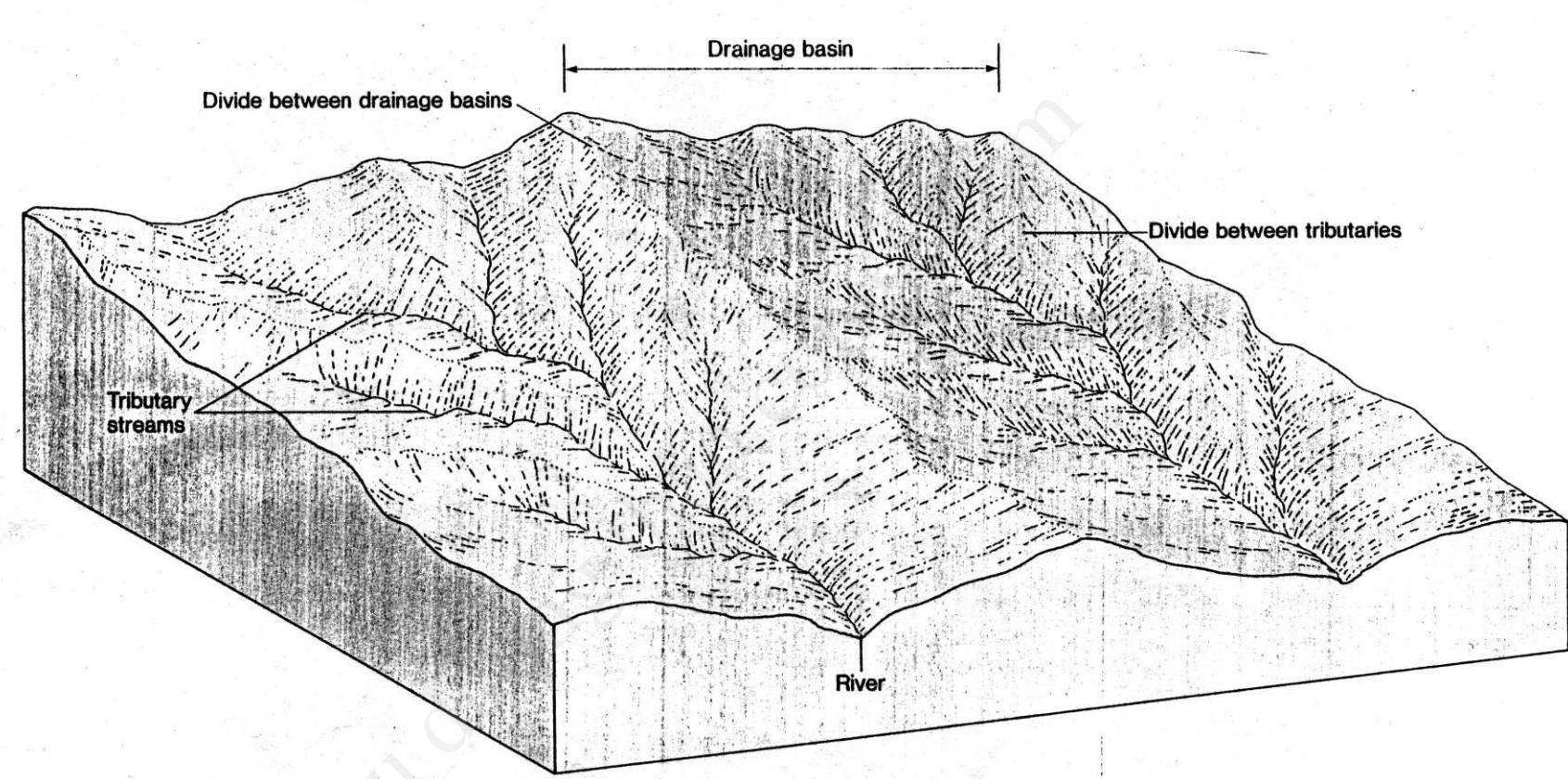
### 3. Nước trên mặt đất: dòng chảy (stream)

#### Các phần cơ bản của sông

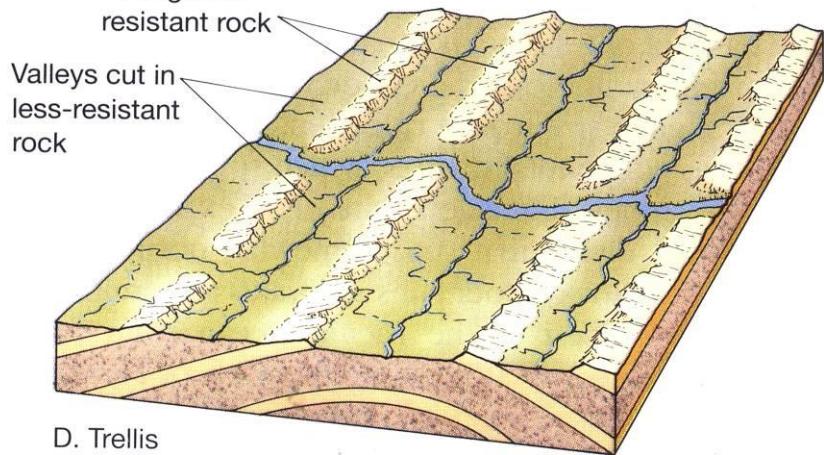
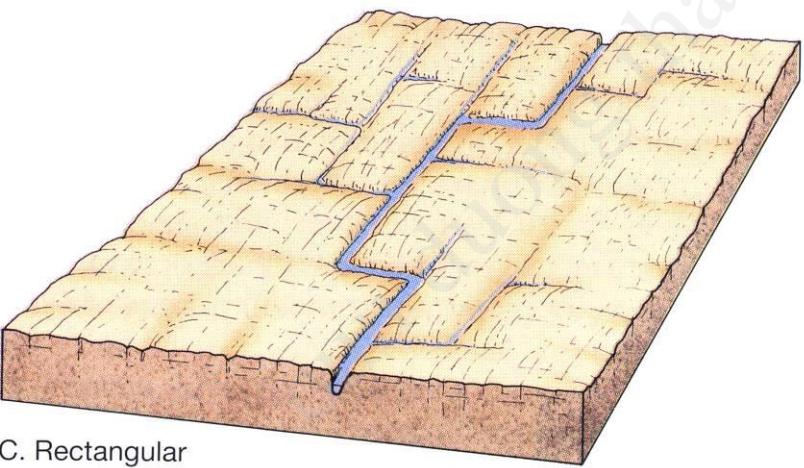
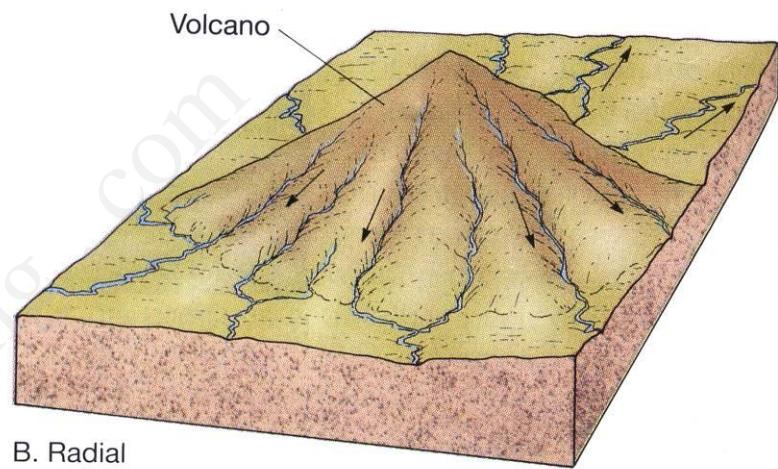
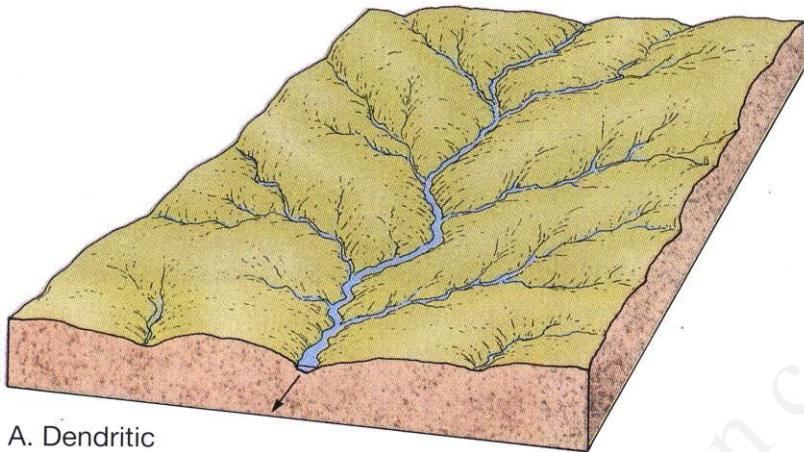


*Figure 8-9. The basic components of a stream.*

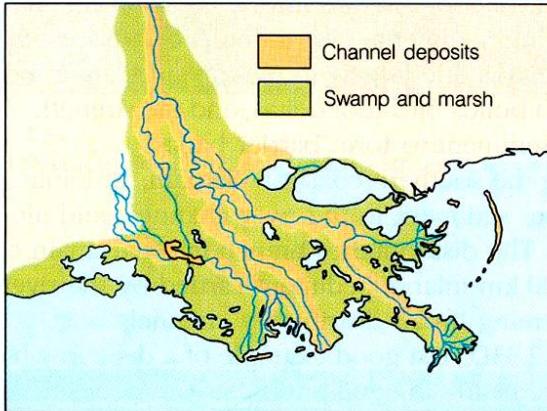
# Lưu vực và đường phân thuỷ



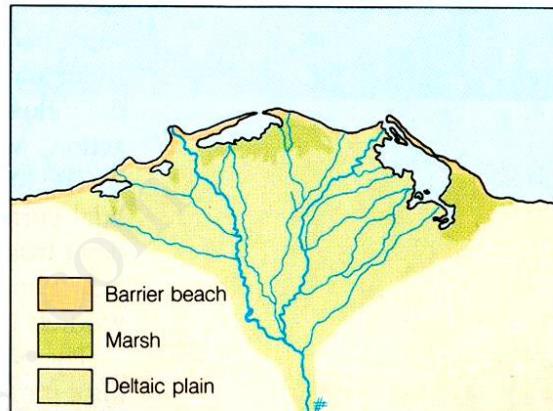
# Các dạng kiểu hình dòng chảy



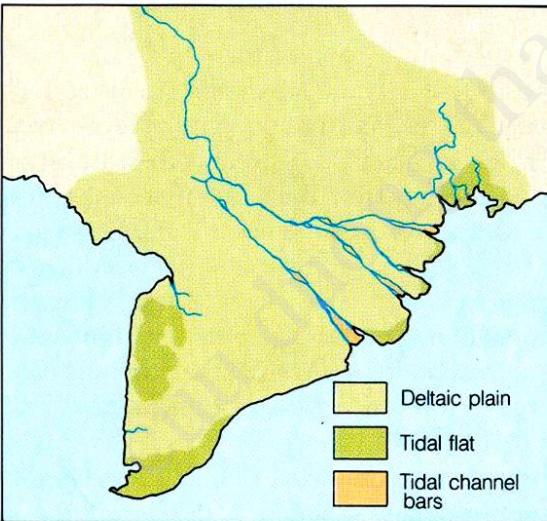
# Hình dạng các tam giác châu (delta)



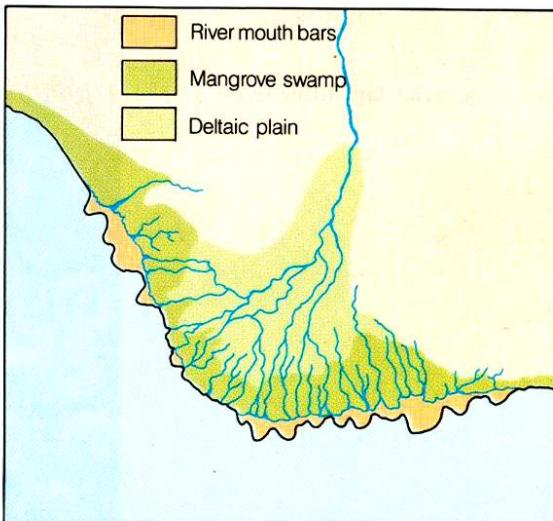
(A) The Mississippi Delta is dominated by fluvial processes that produce a bird-foot extension.



(B) The Nile Delta is dominated by wave action that produces an arcuate delta front.

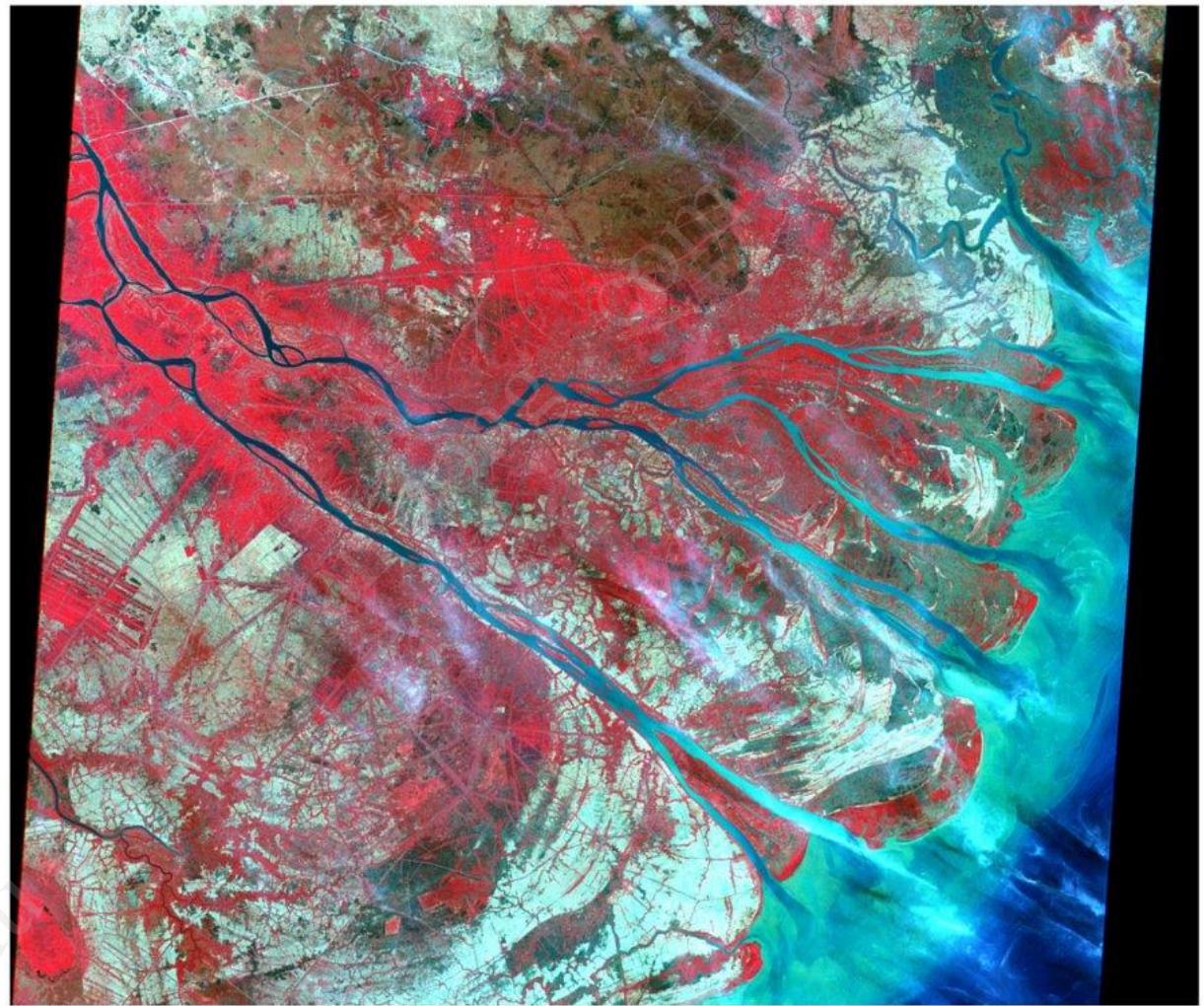


(C) The Mekong Delta is dominated by tidal forces that produce wide distributary channels.

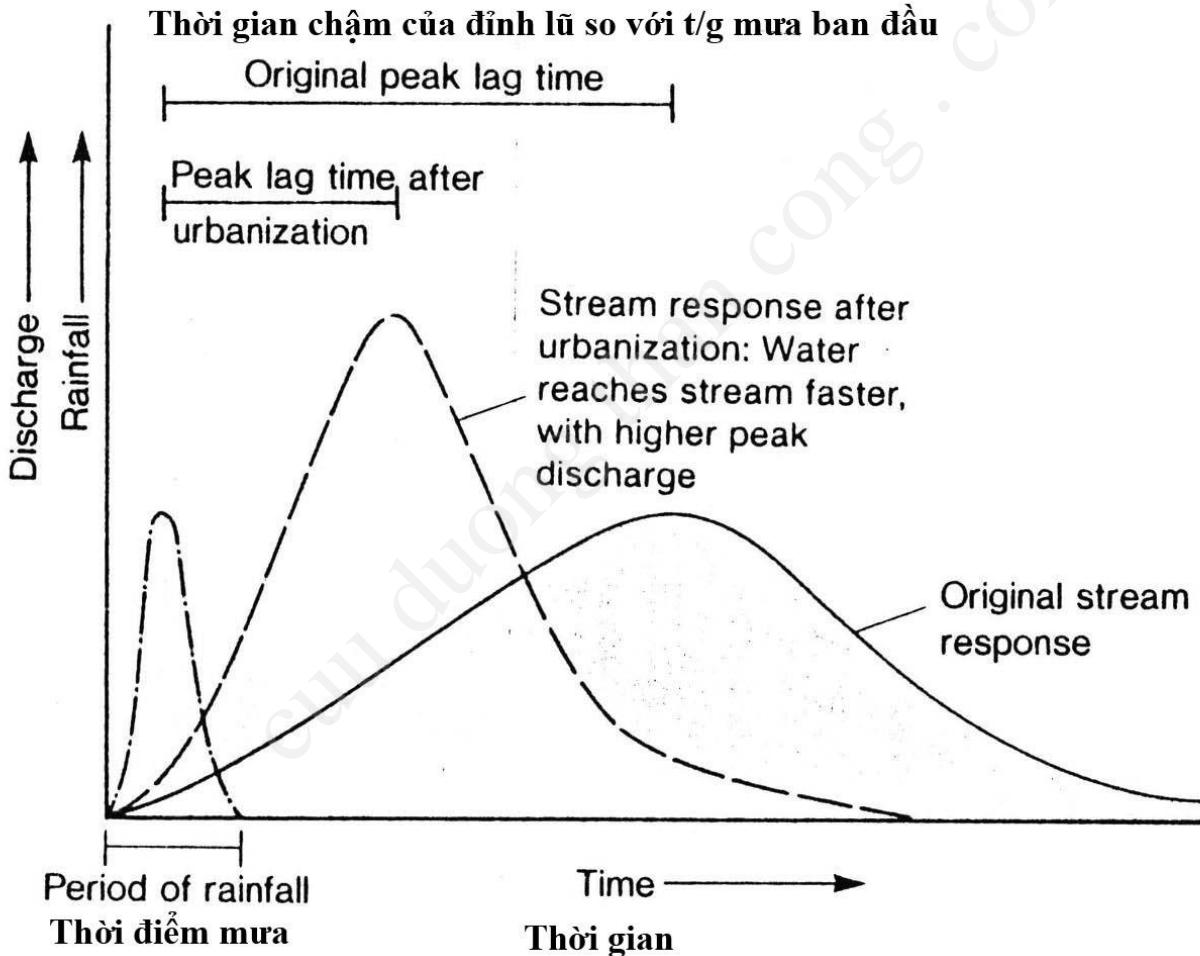


(D) The Niger Delta has formed where stream deposition, wave action, and tidal forces are about equal. An arcuate delta front and wide distributary channels are thus produced.

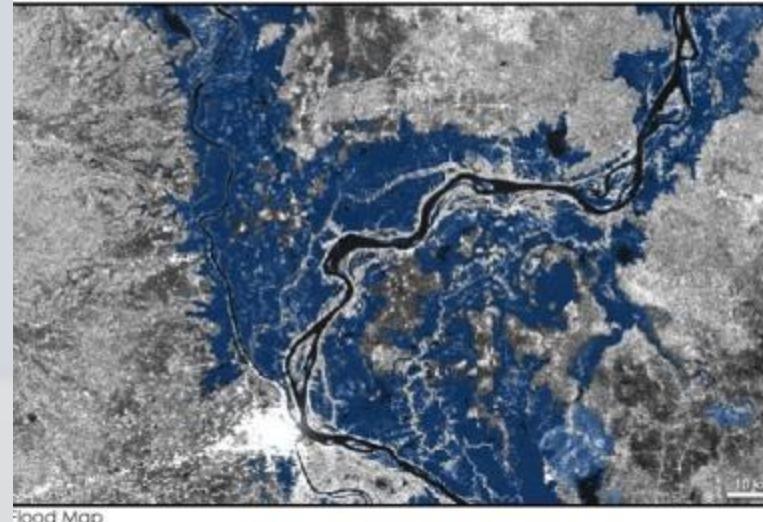
# Ảnh Landsat Năm 1989 khu vực đồng bằng sông Cửu Long



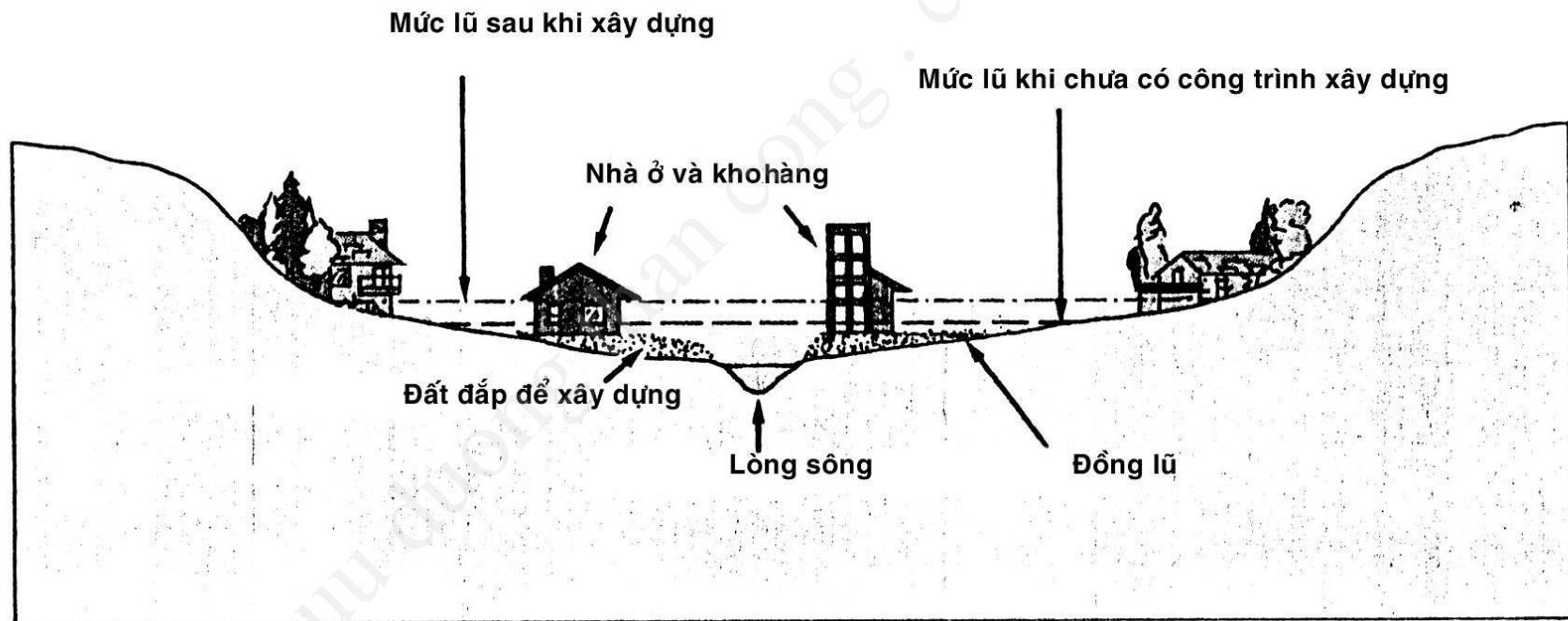
# Lũ lụt: lũ ở thượng nguồn và lũ lụt ở châu thổ, sự thay đổi mực nước lũ do đô thị hóa



# Lũ lụt trên sông Mekong

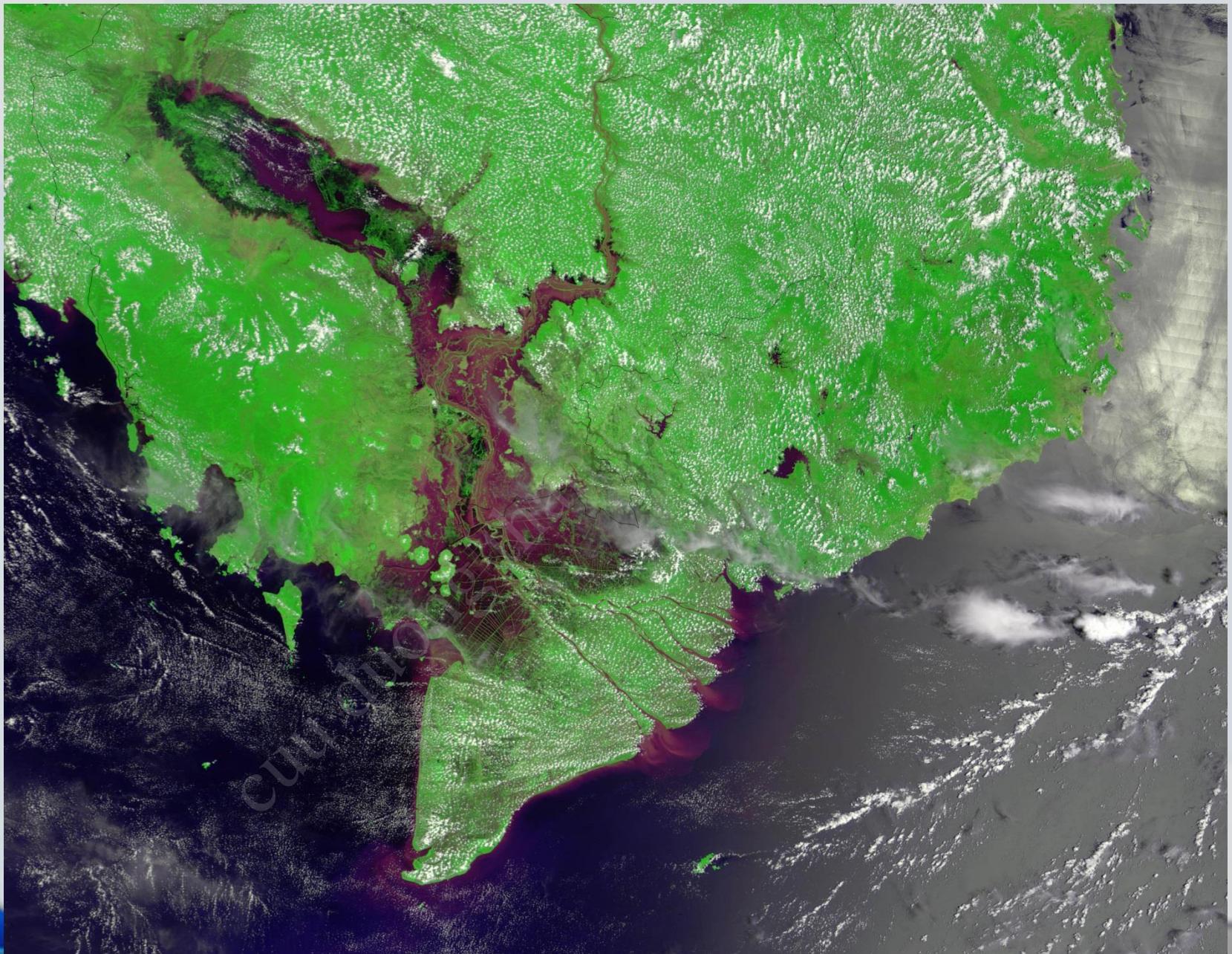


# Phát triển đồng lũ làm gia tăng chiều cao của mực nước lũ



*Sông  
Đồng  
Nai  
- Sài Gòn  
- Vành  
Cổ*



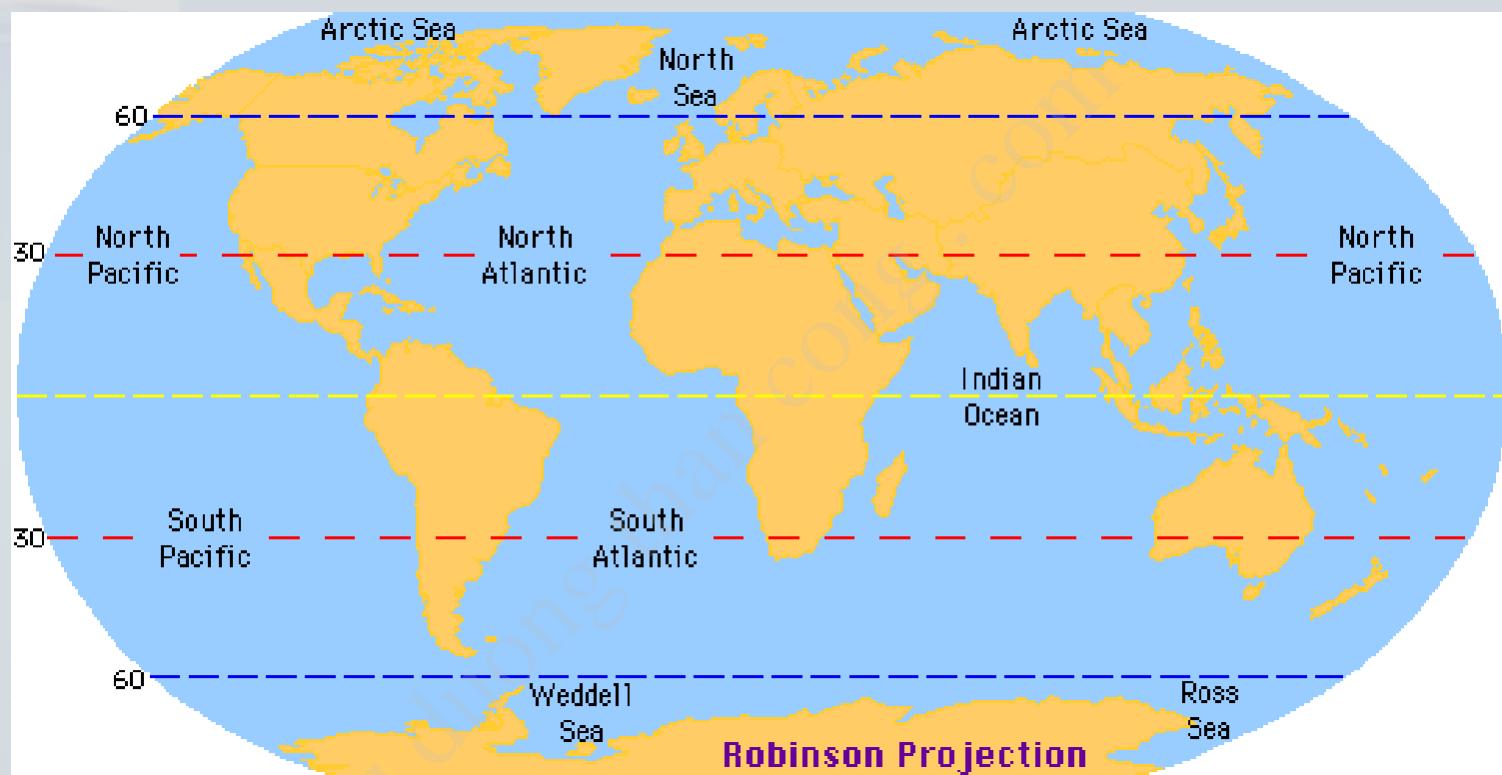


## II. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

1. Đặc tính của nước biển
2. Vận hành của nước biển: sóng, thuỷ triều, hải lưu
3. Địa hình đáy biển  
Các quần thể sinh vật ở biển

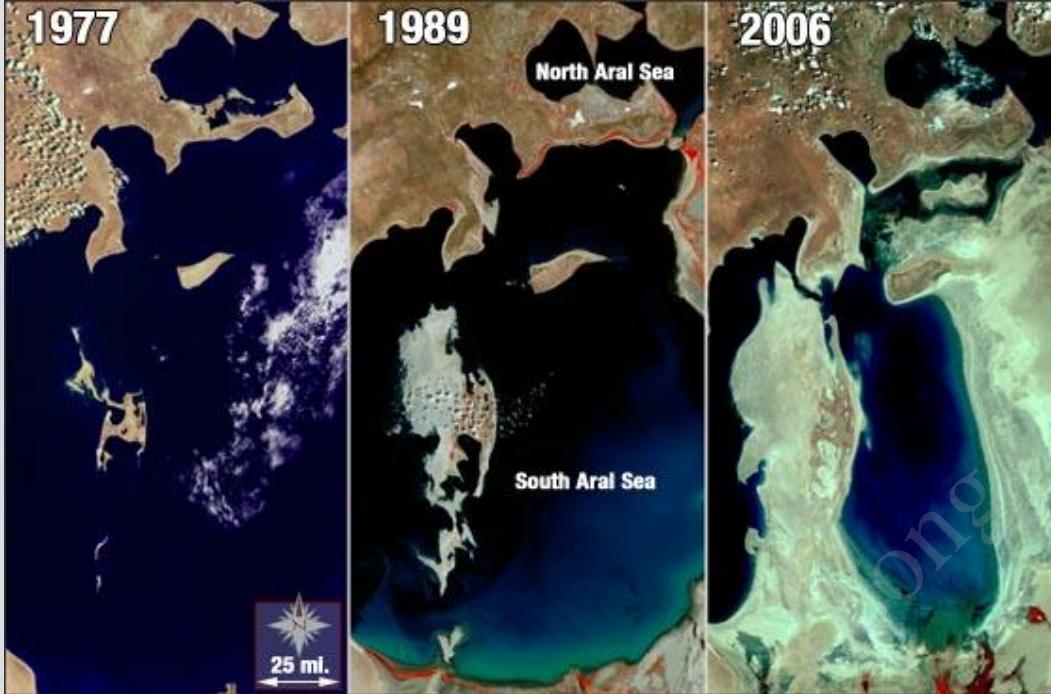
Giữ cho biển sạch và khoẻ

# Các đại dương lớn trên thế giới

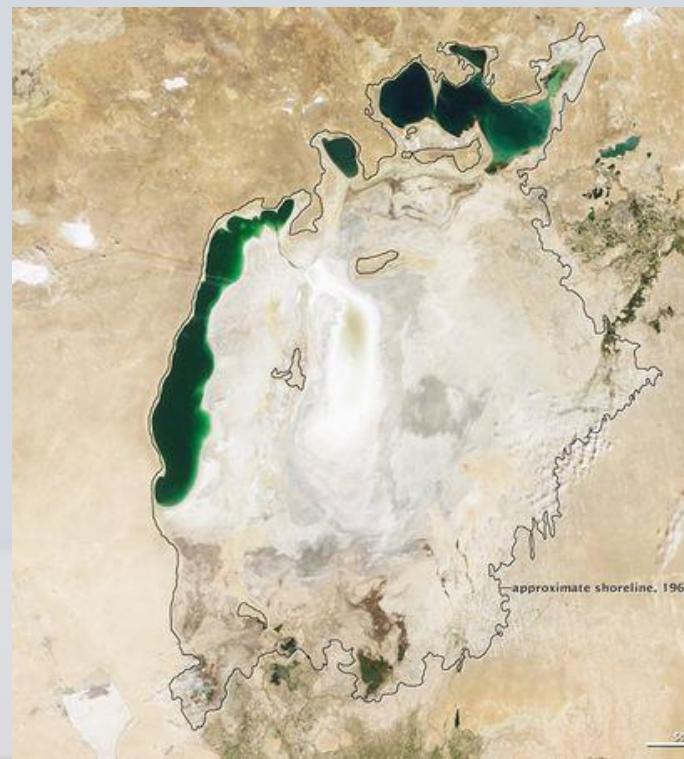




## Một số biển nội địa



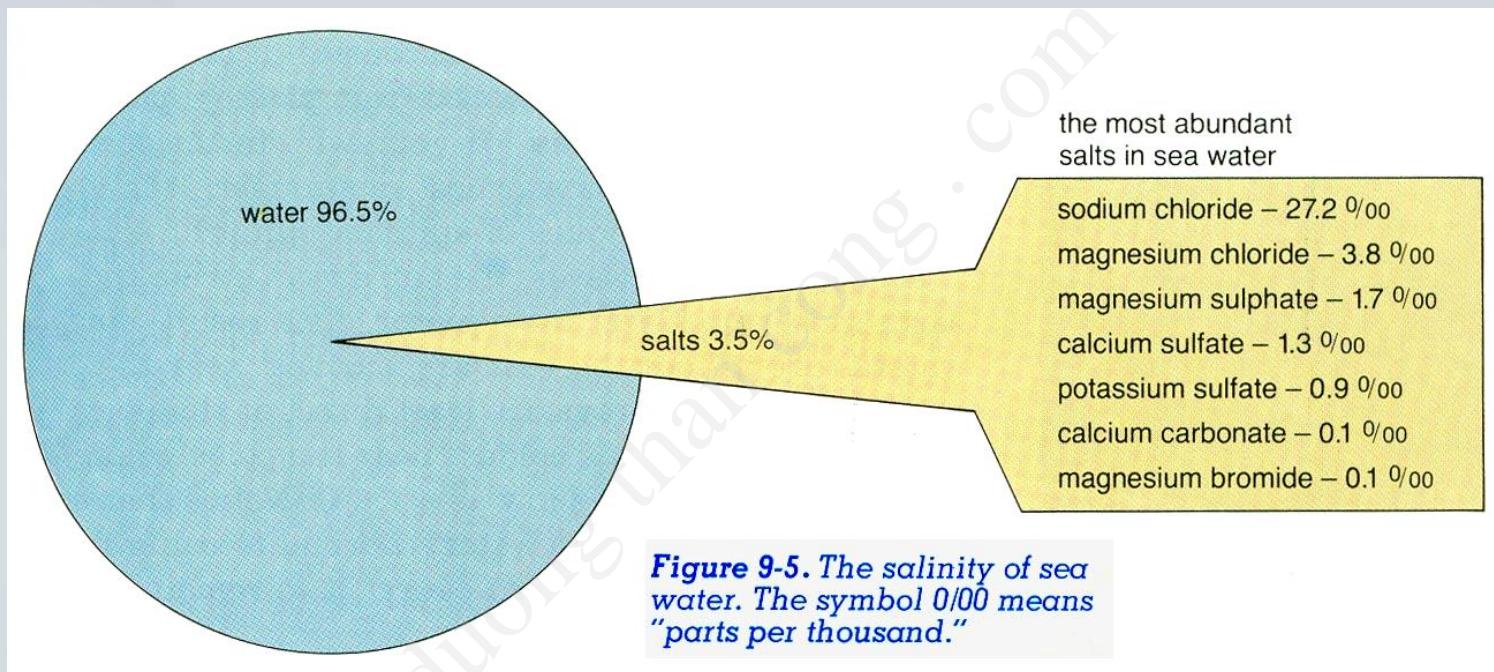
2009



## Sự khô cạn của biển Aral

# Thành phần và đặc tính của nước biển:

## Thành phần:



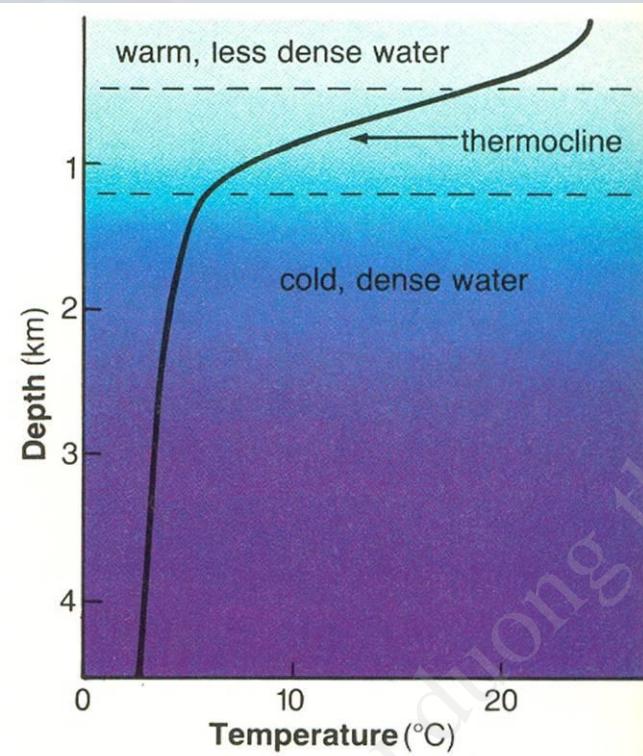
## Đặc tính: màu, nhiệt độ,...



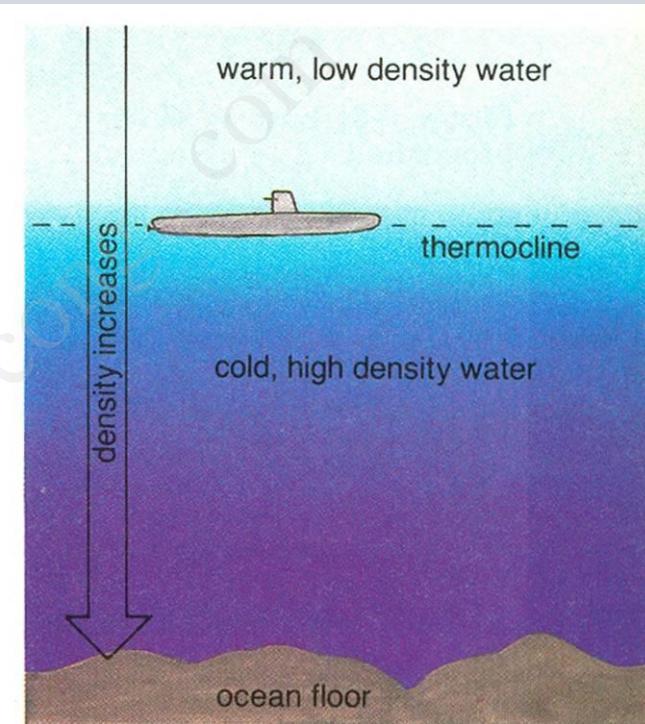
# Dead Sea có độ mặn khoảng 33.7%



# Nhiệt độ của nước biển: thermocline



**Figure 9-6.** Water becomes denser below the thermocline.

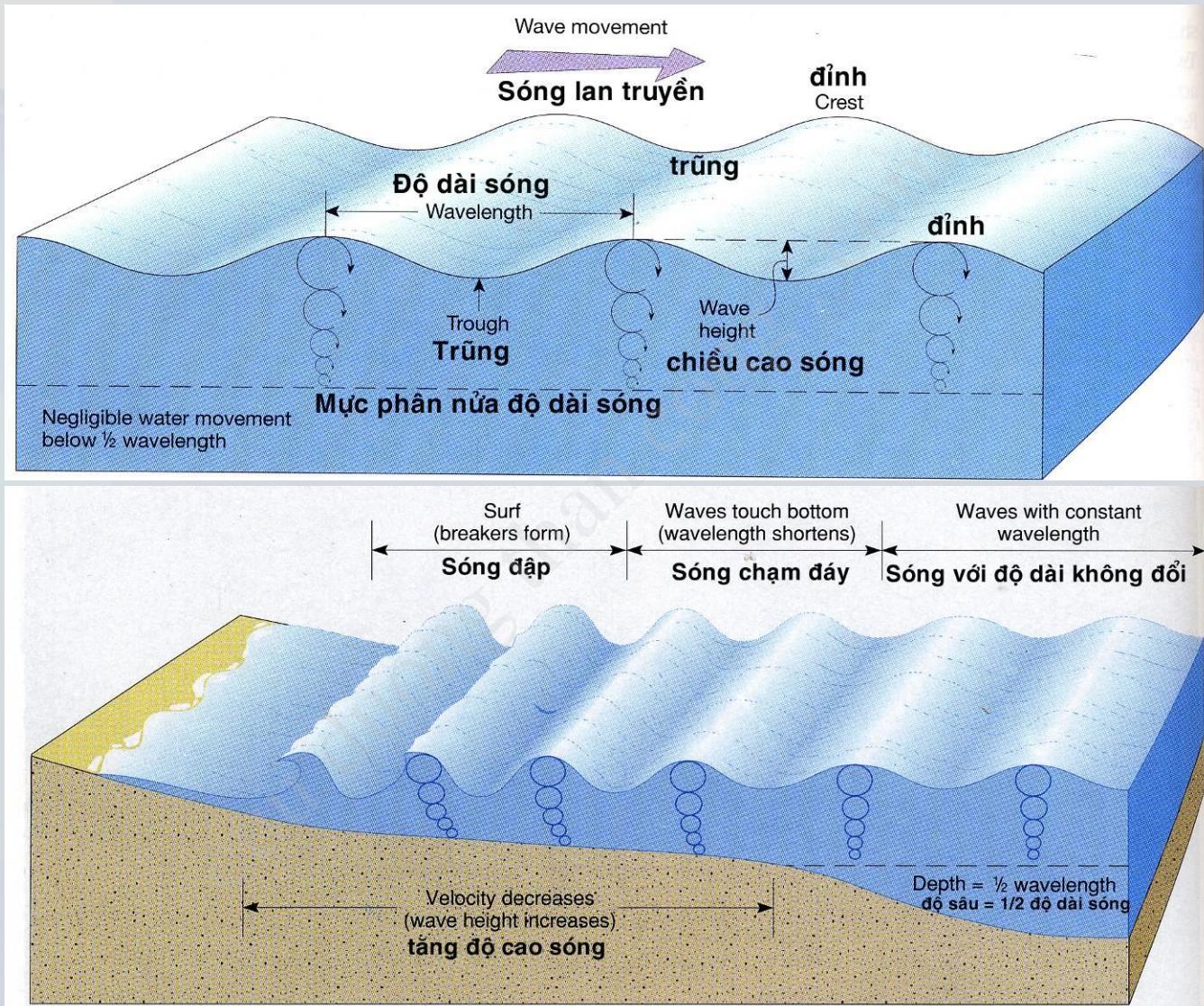


**Figure 9-7.** A submarine riding the thermocline.

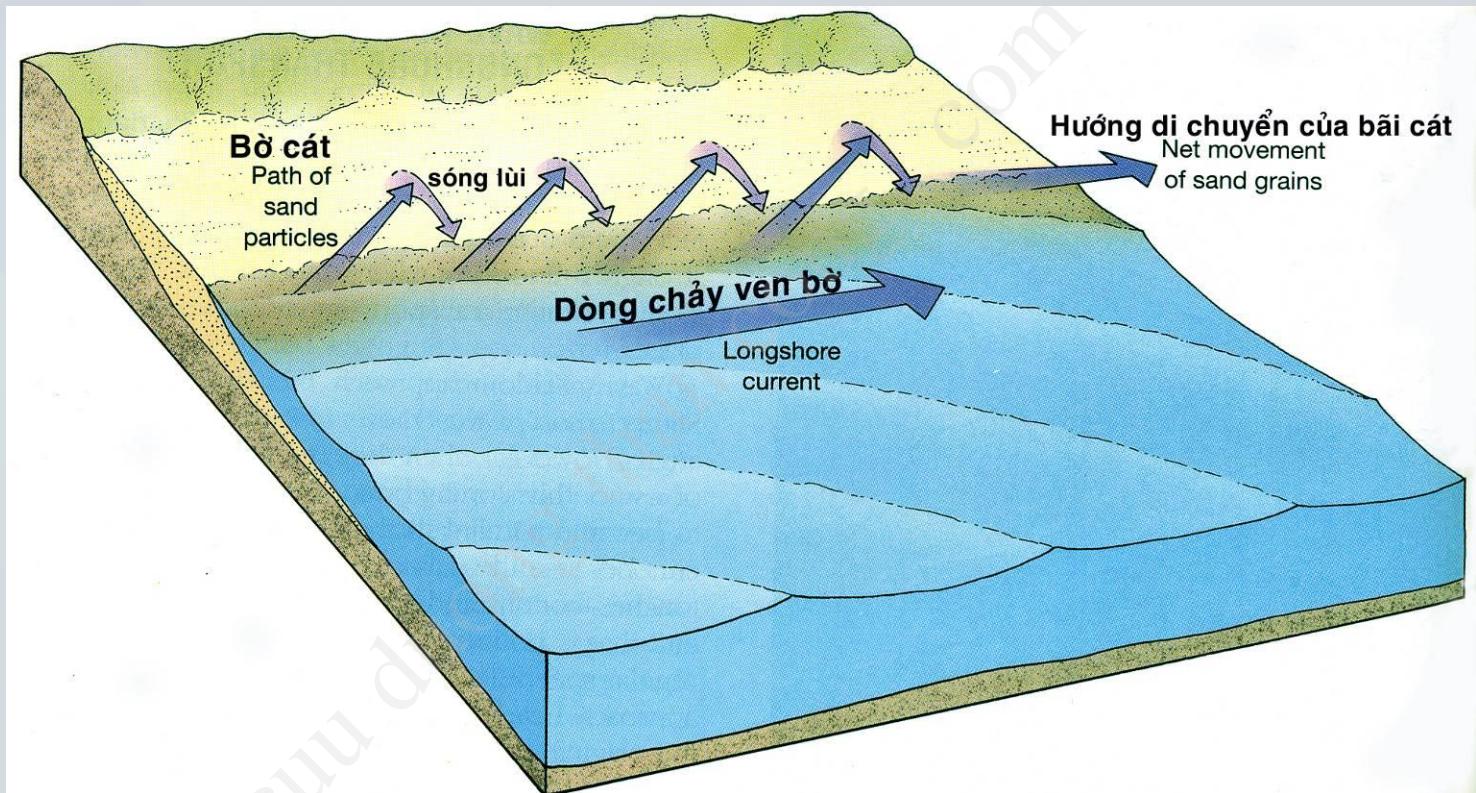
# Vận hành của nước biển: sóng, thuỷ triều, hải lưu

- a. Sóng trên mặt: gây xâm thực bờ, vận chuyển vật liệu dọc bờ và tích tụ bờ
- b. Thuỷ triều: Spring tide: triều lớn, triều cường  
Neap tide: triều thấp
- c. Hải lưu: hải lưu mặt, hải lưu ngầm  
hải lưu ấm, hải lưu lạnh

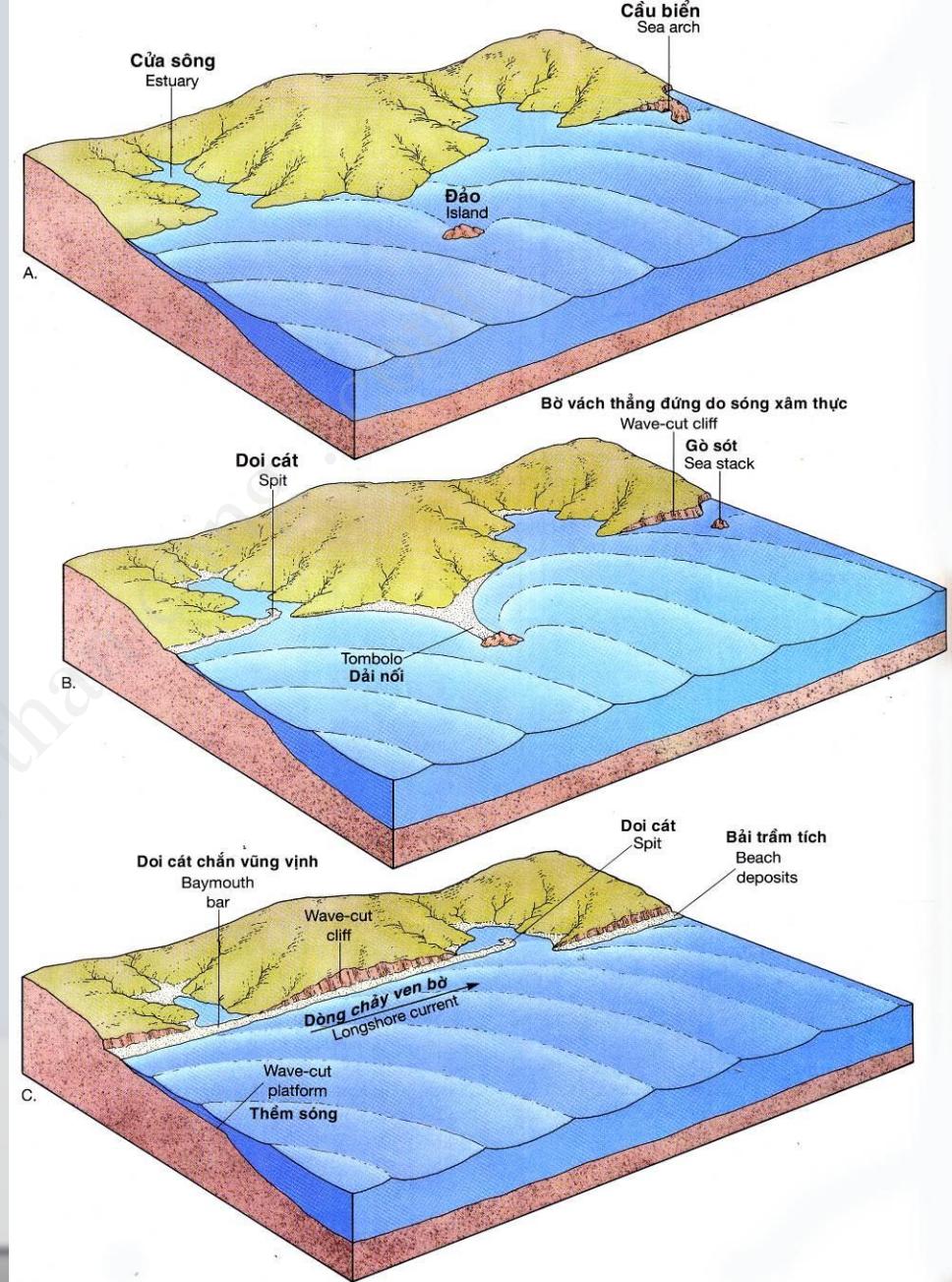
# Chuyển động của sóng



# Hoạt động của dòng chảy ven bờ



# Các dạng địa hình ven biển



# MŨI ĐẤT - HEADLAND



# HÀNG CHÂN SÓNG



UYEN, 2010

*Chùa Hang – Hà Tiên, 02/2005*



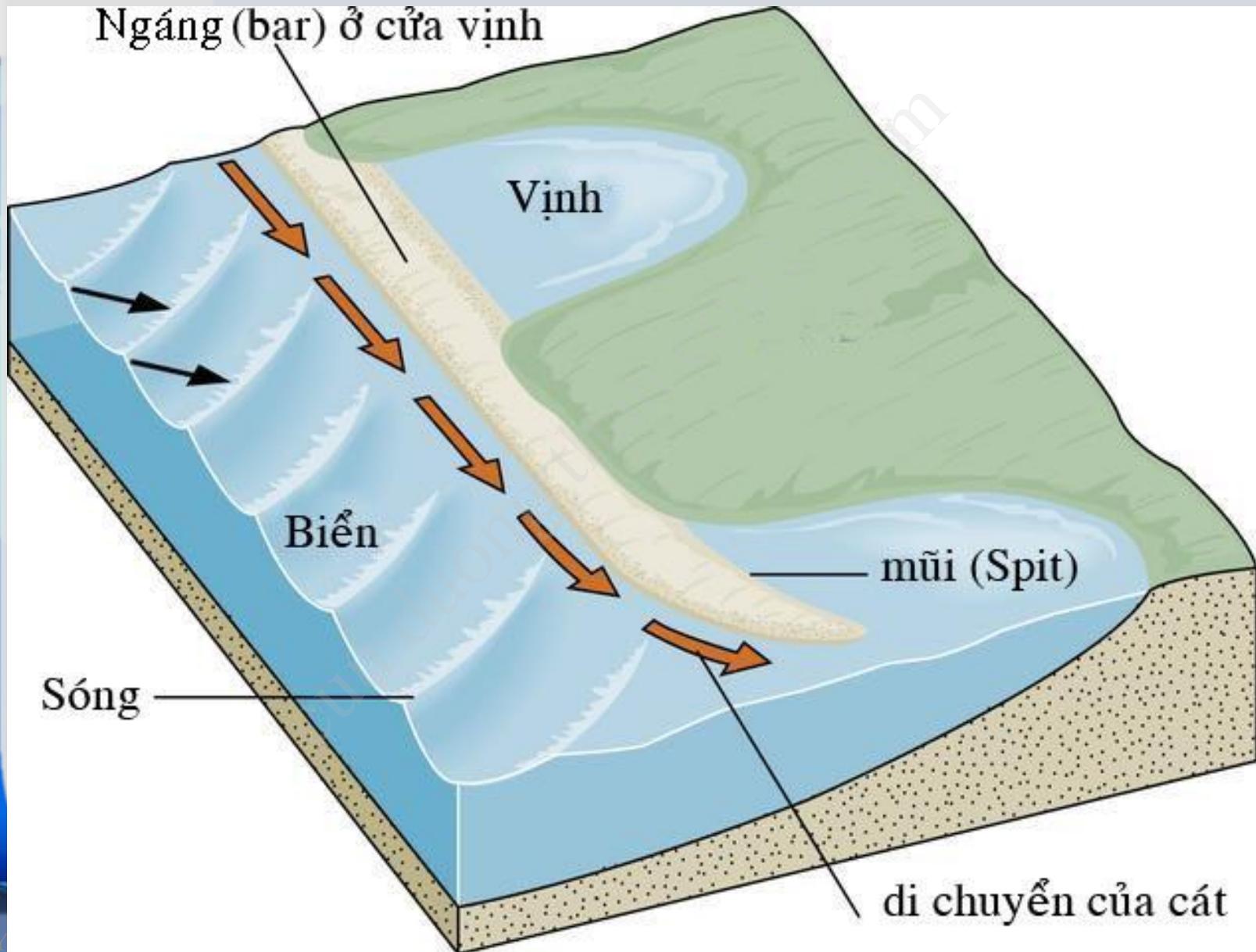
Hòn Phụ tử – Hà Tiên

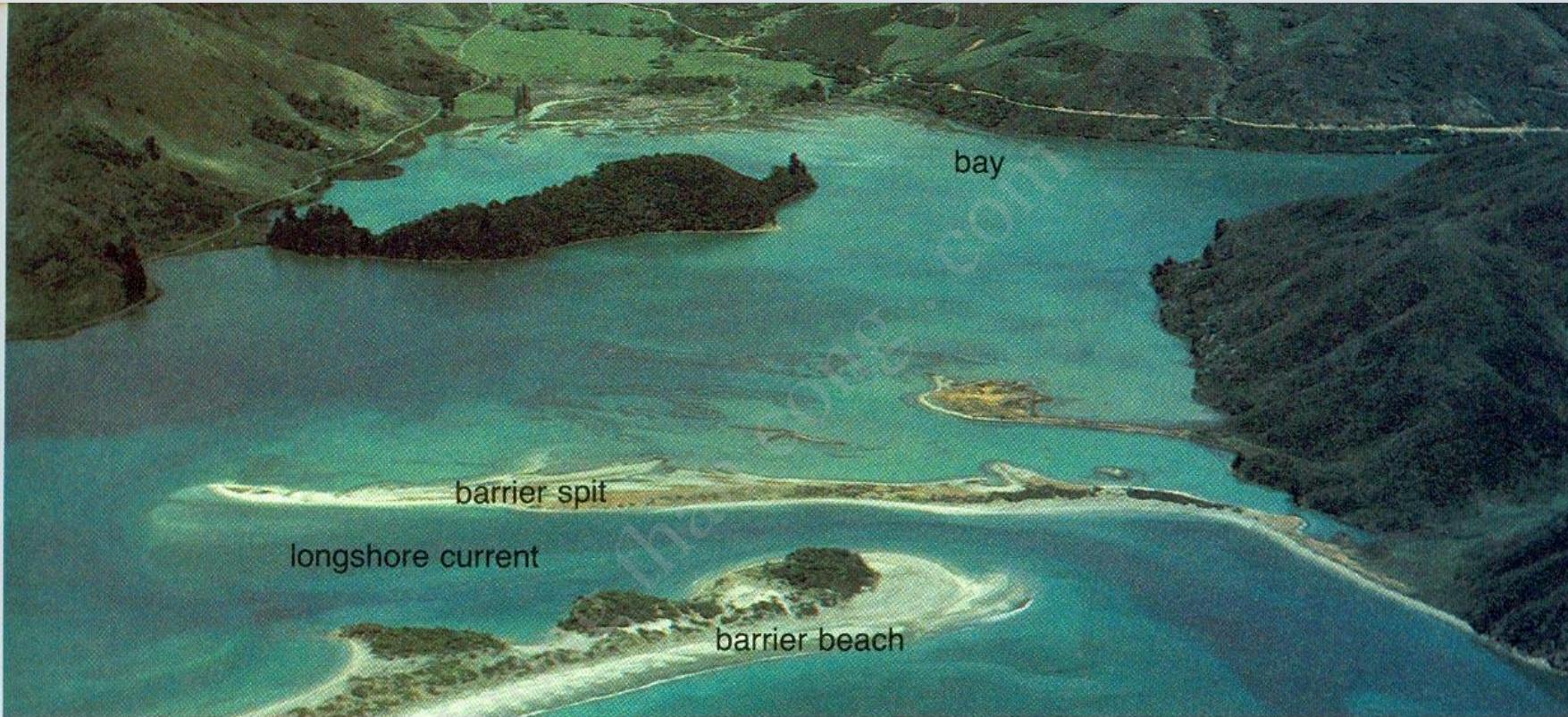
UYEN, 2010

# Hòn Phụ tử – Hà Tiên

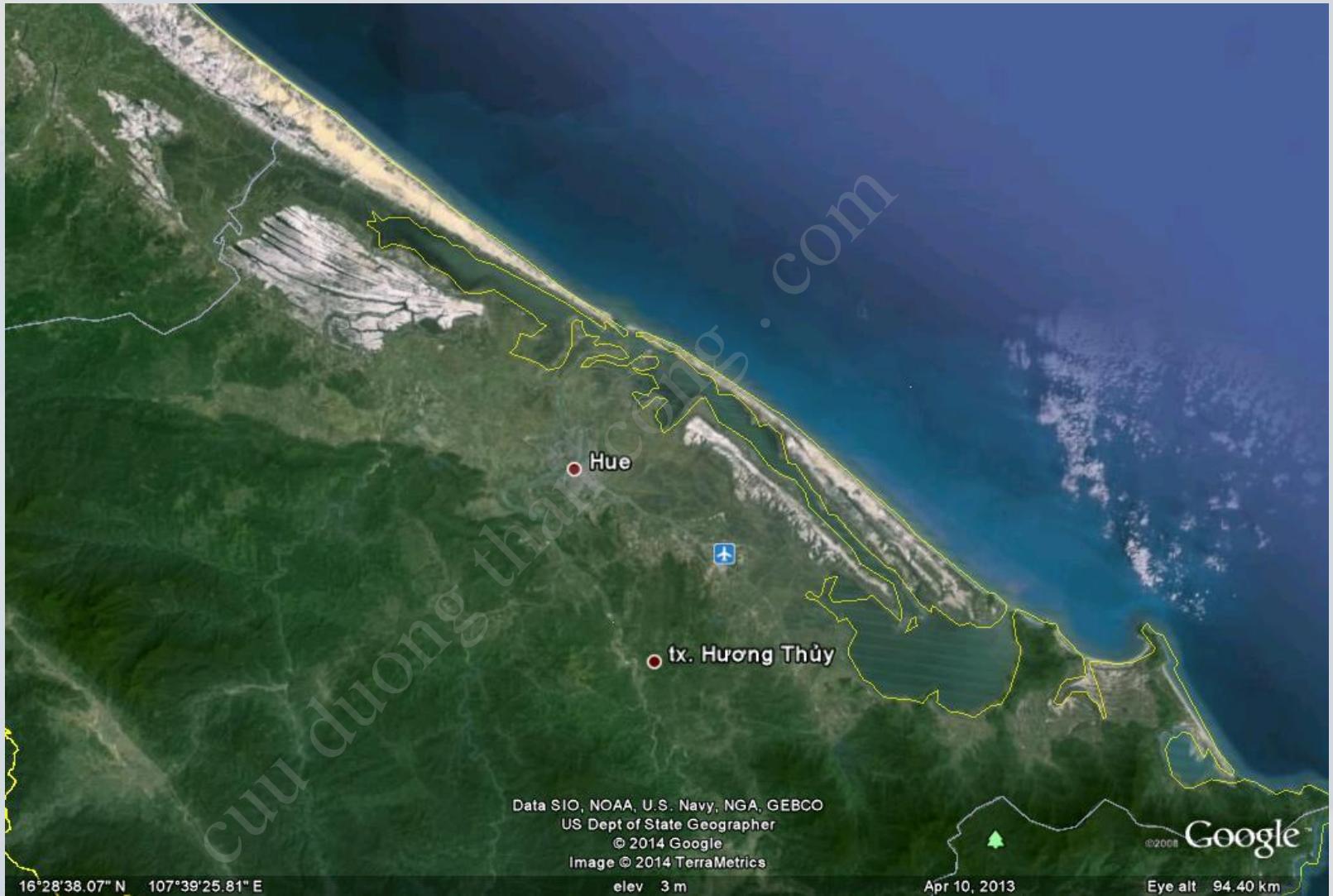


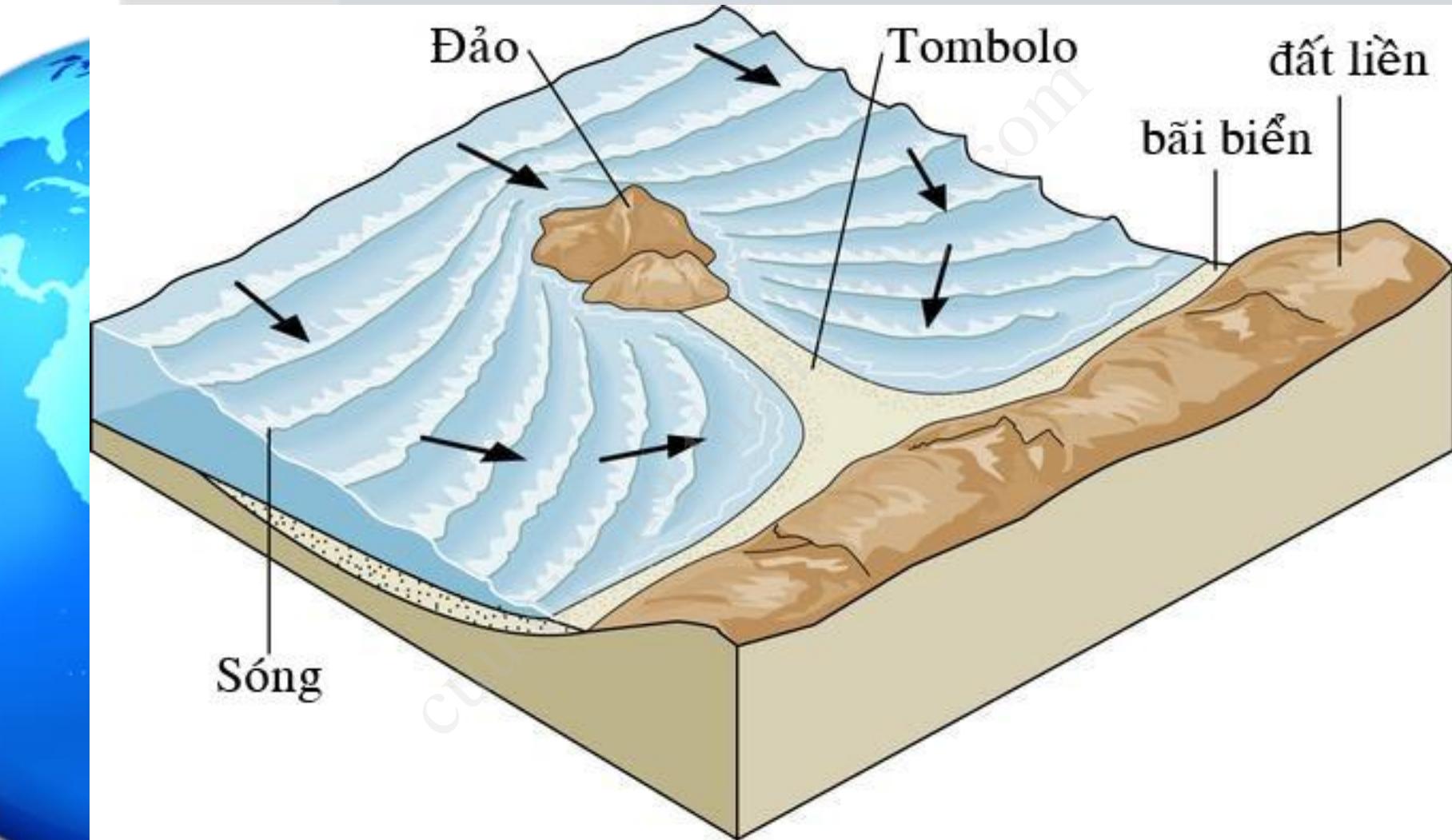
# TÍCH TỤ LUƠN CÁT (Bar)





**Figure 9-13.** How is a barrier beach different from a barrier spit?

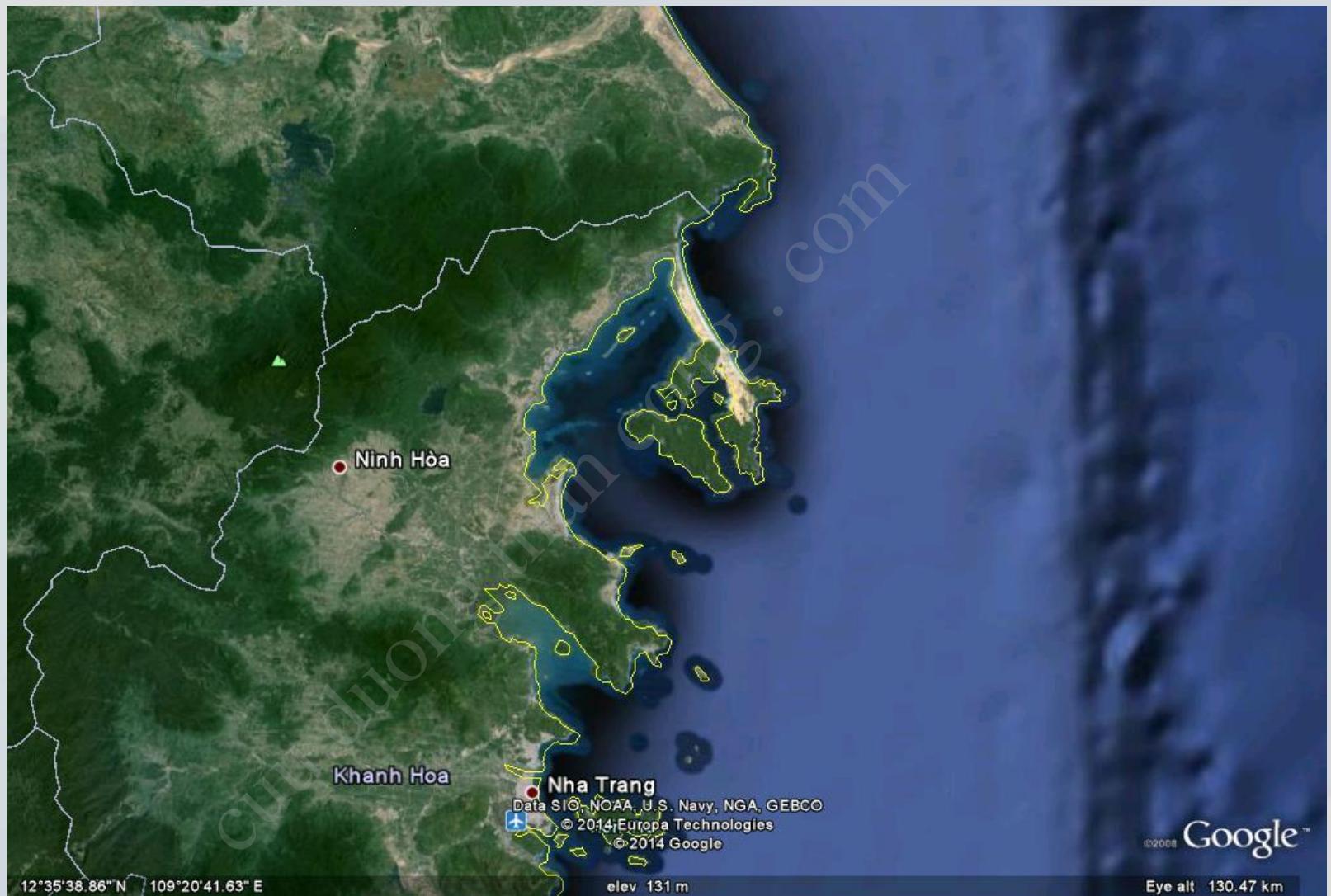


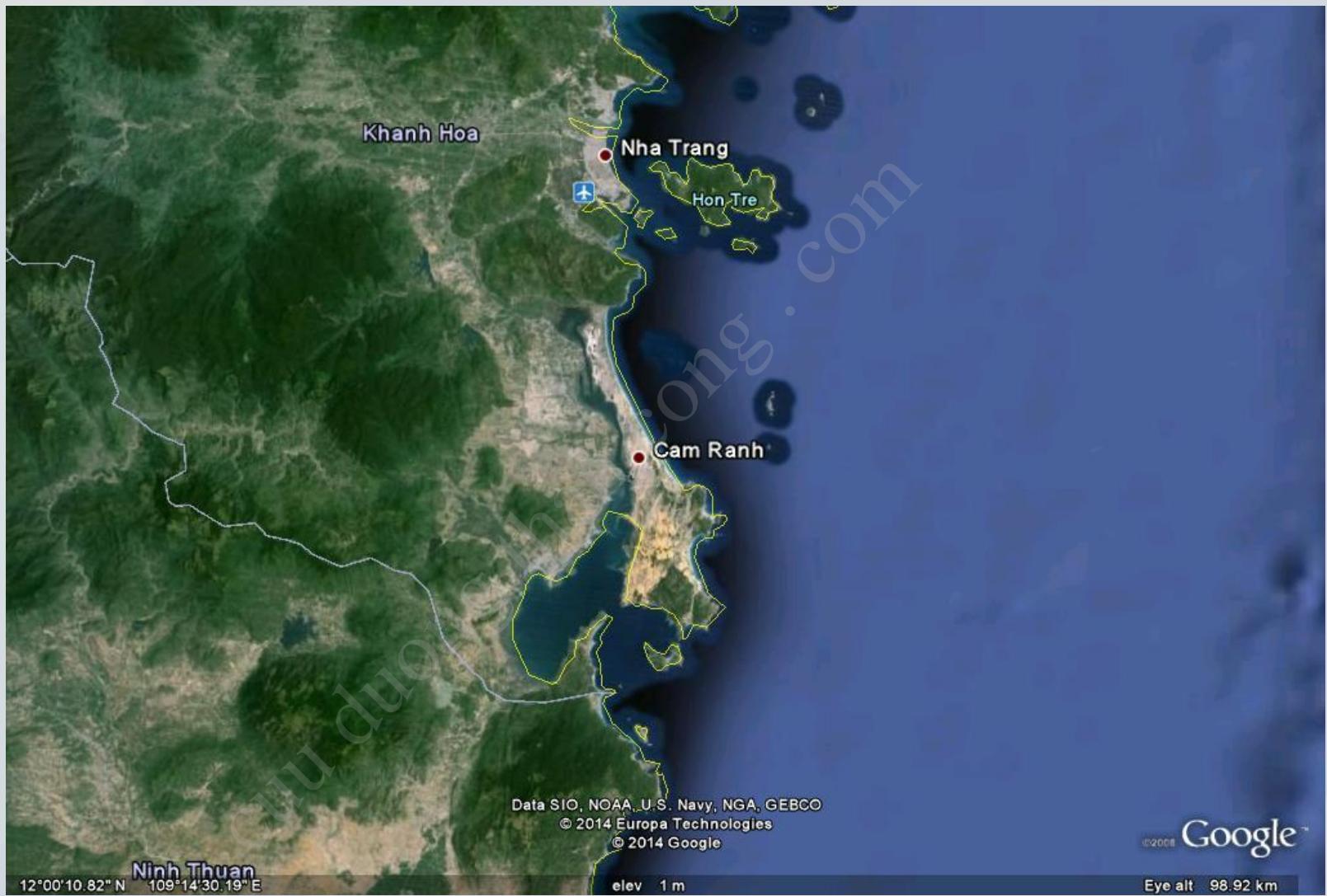


A

UYEN, 2010

60

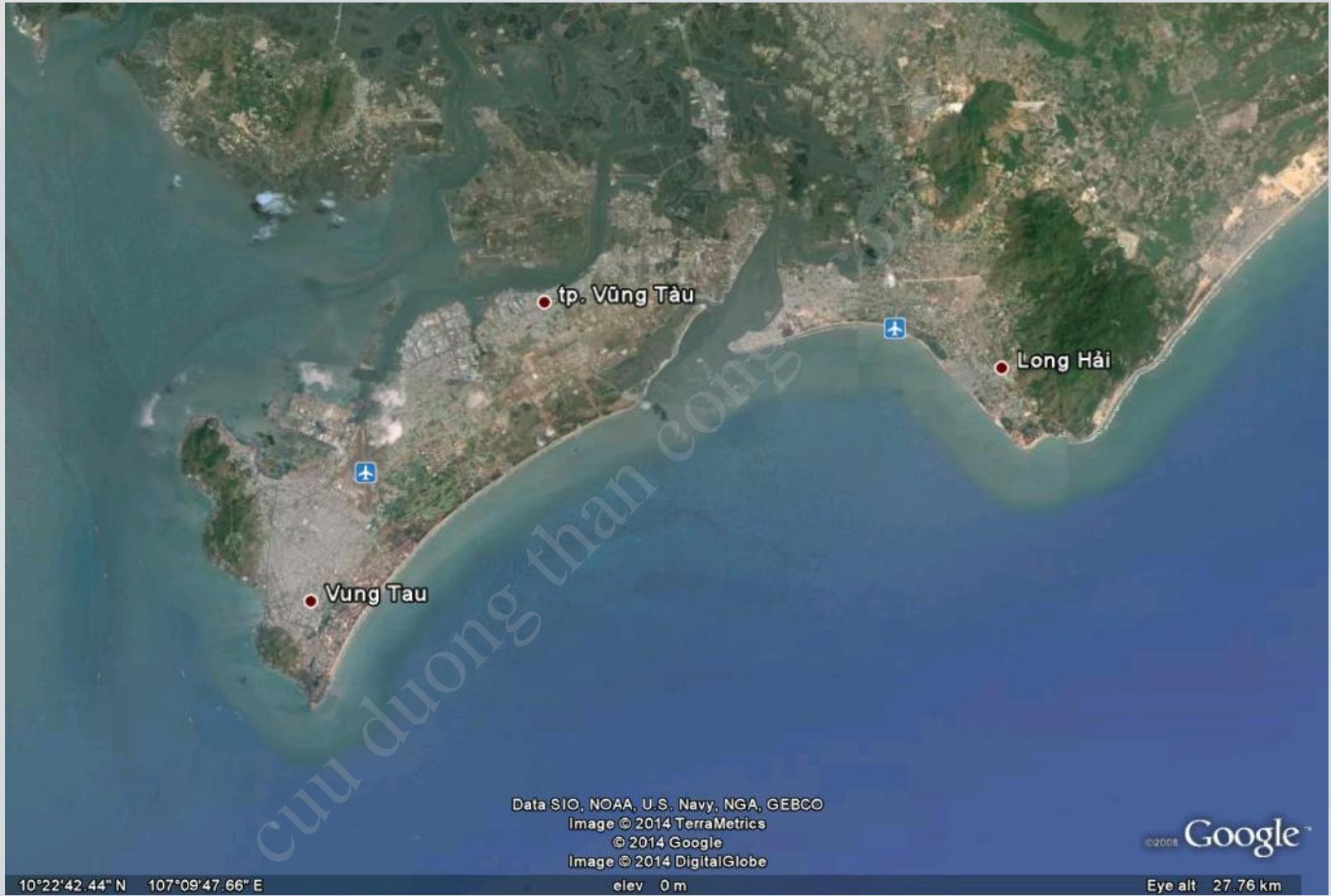




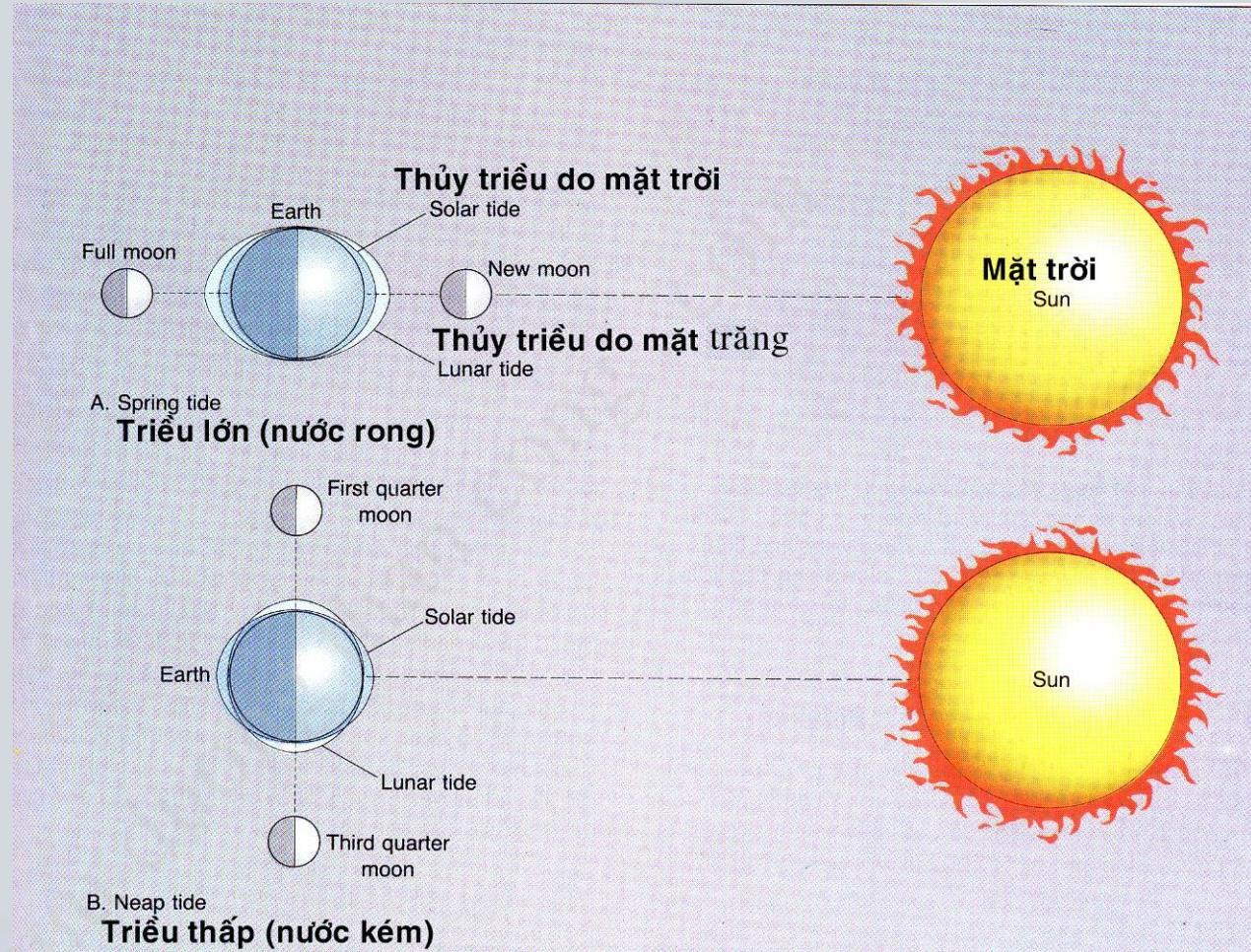
# Tombolo - Vũng tàu – 1999 (của Peter A Bird)



Copyright © 1999 Peter A. Bird



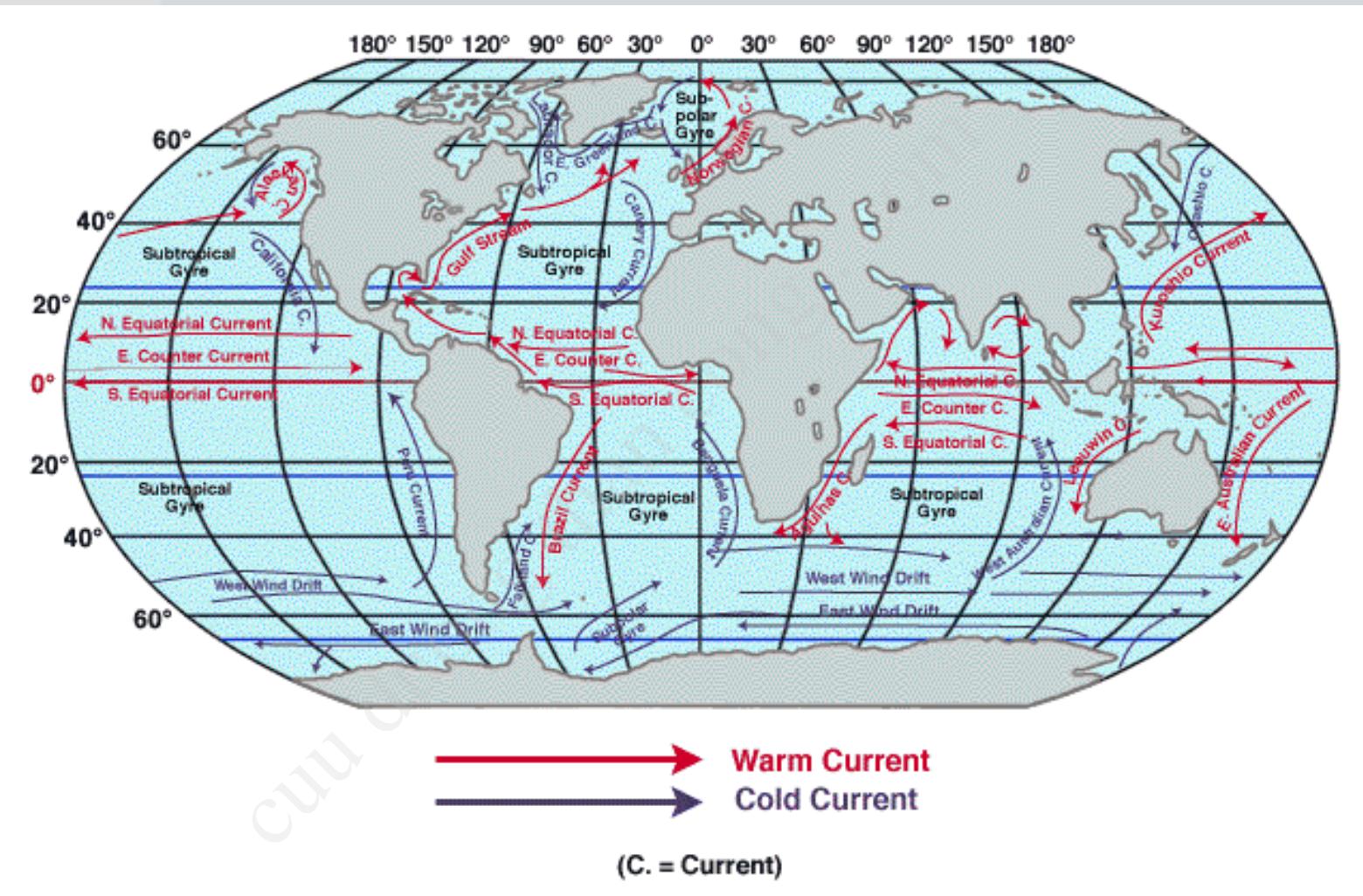
# Thuỷ triều

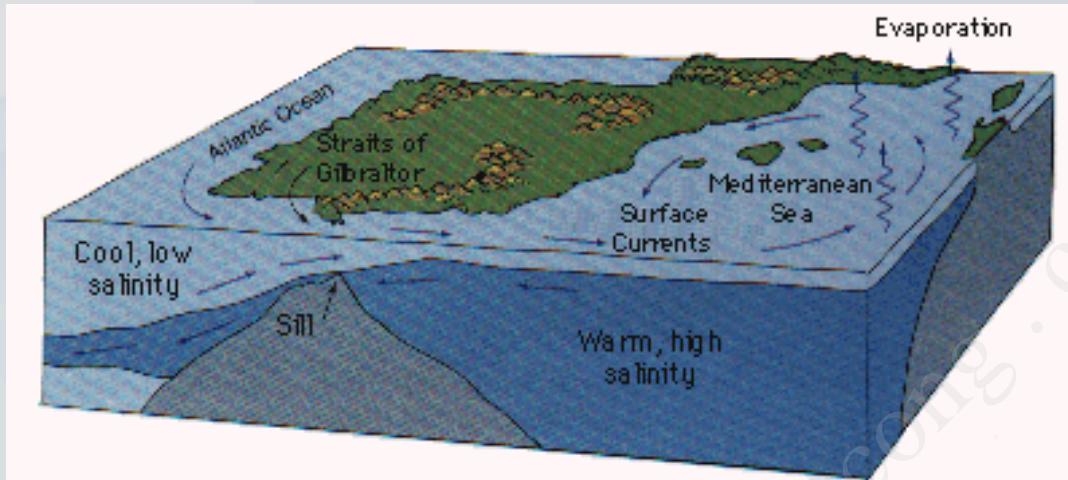


## Quan sát sự thay đổi của mực nước do triều

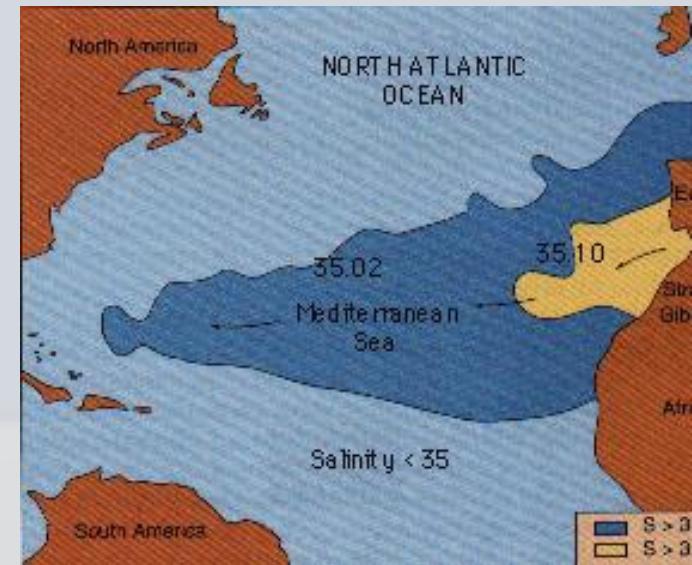


# Hải lưu:



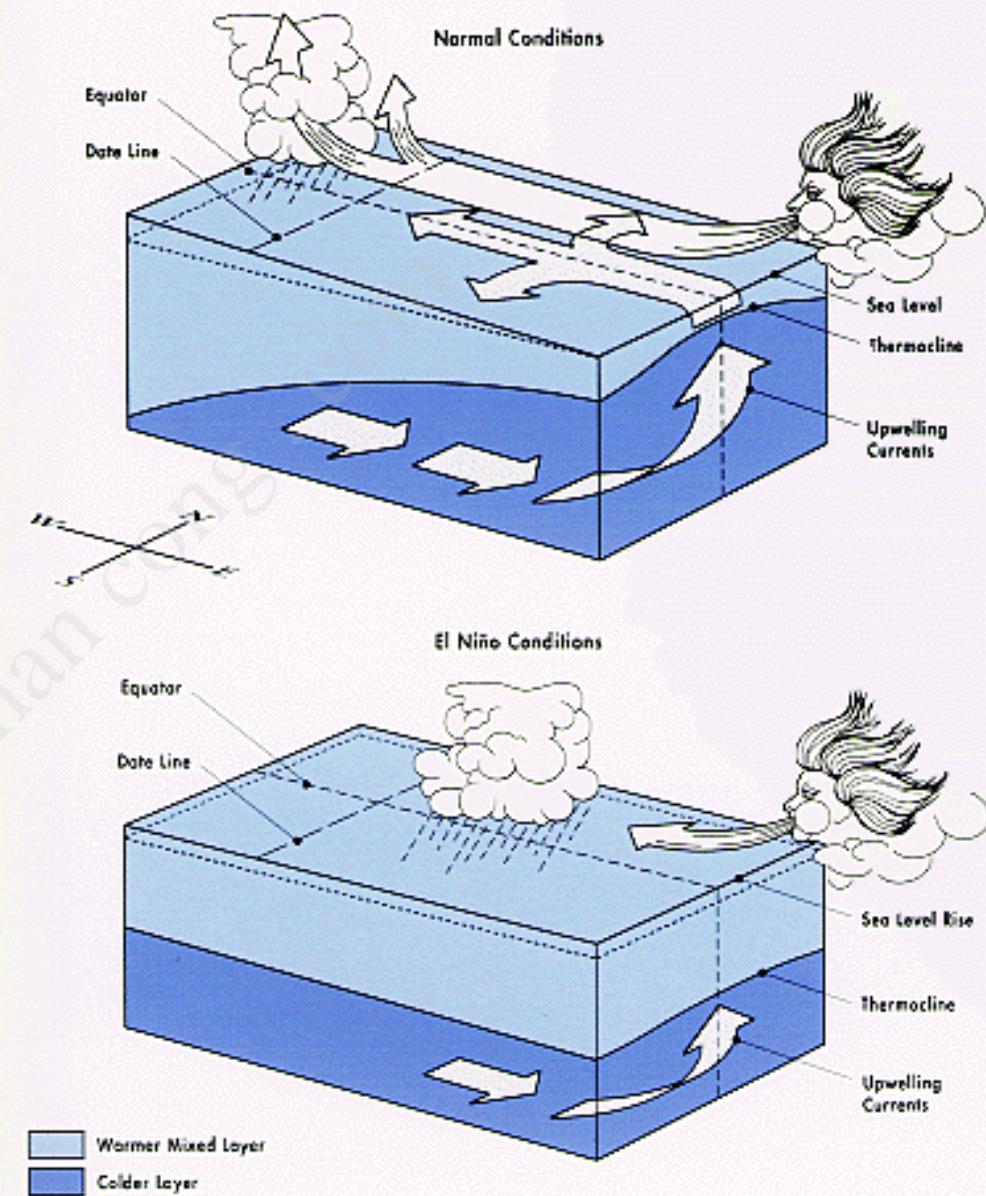


## Hải lưu mặt và hải lưu sâu ở vùng Đại Tây Dương và Địa Trung Hải



# Hiện tượng El Nino

El Nino/Southern Oscillation  
(ENSO)

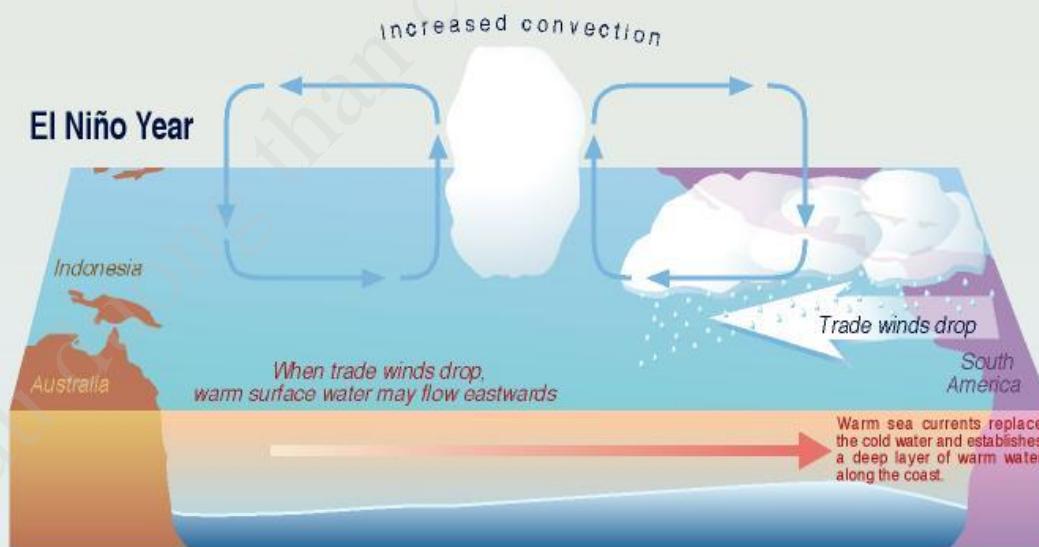


# El Niño Phenomenon (ENSO)

## Normal Year



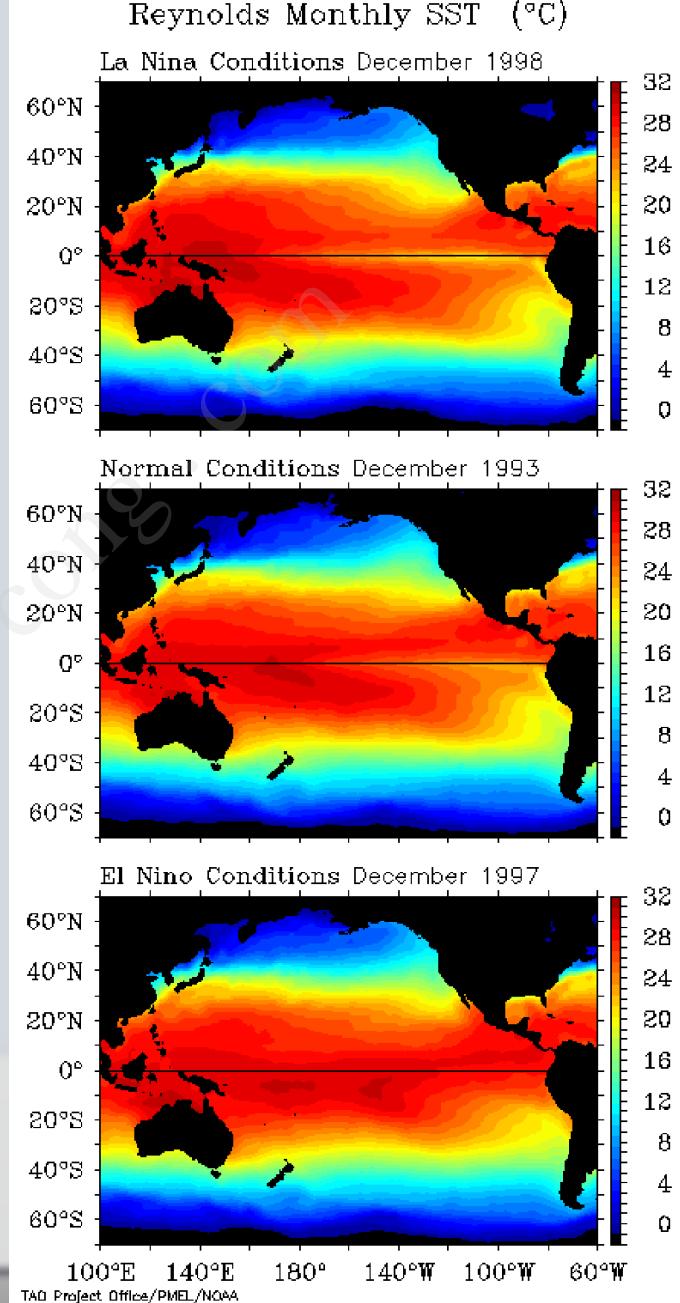
## El Niño Year



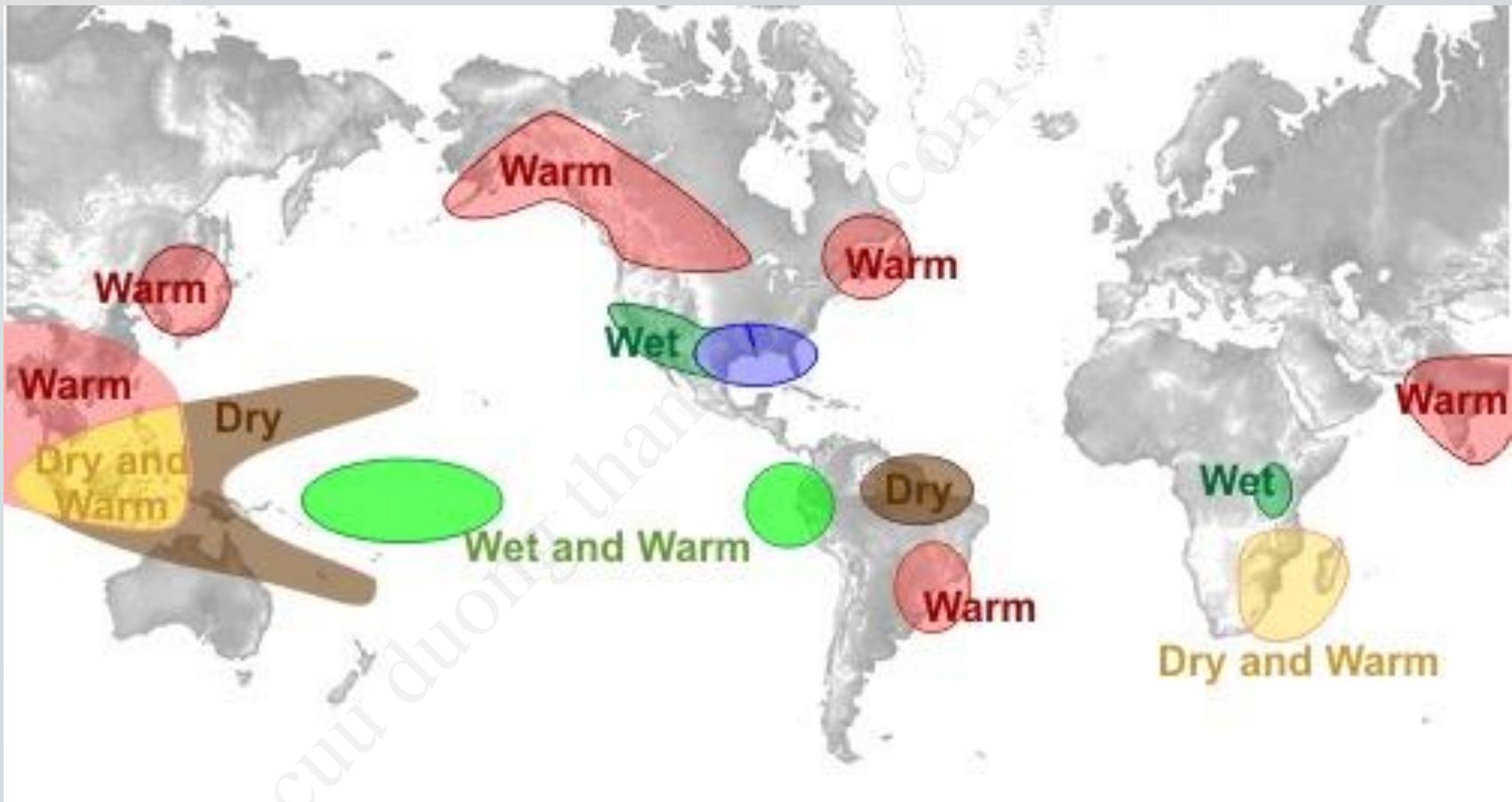
Sources: Climate Prediction Center-NCEP; NOAA.

DELPHINE DIGOUT  
JUNE 2002

# Thay đổi nhiệt độ trên bề mặt Thái Bình Dương khi El Nino và La Nina xảy ra



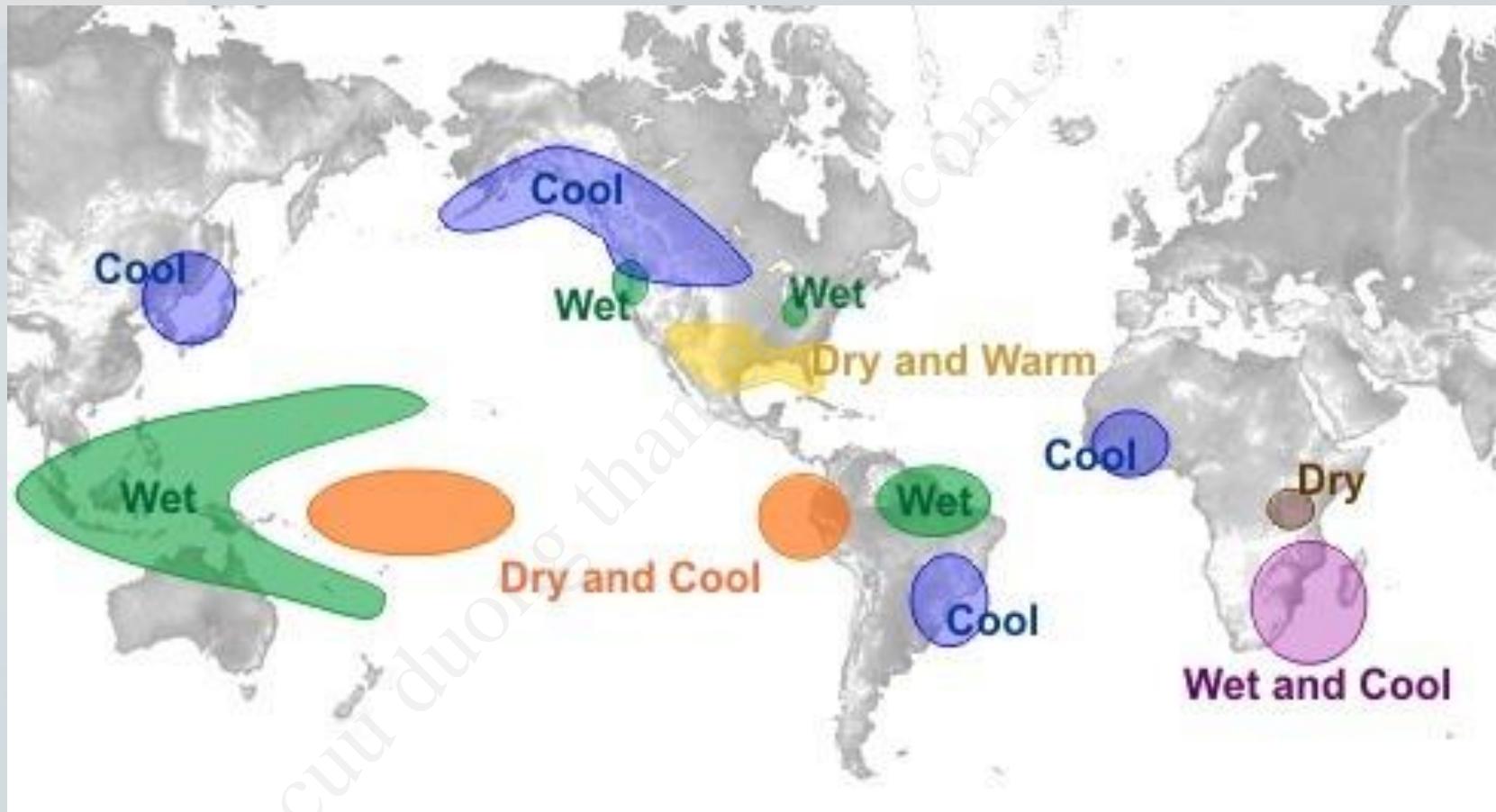
## Các thay đổi về khí hậu vào tháng 12-02 khi có El Nino



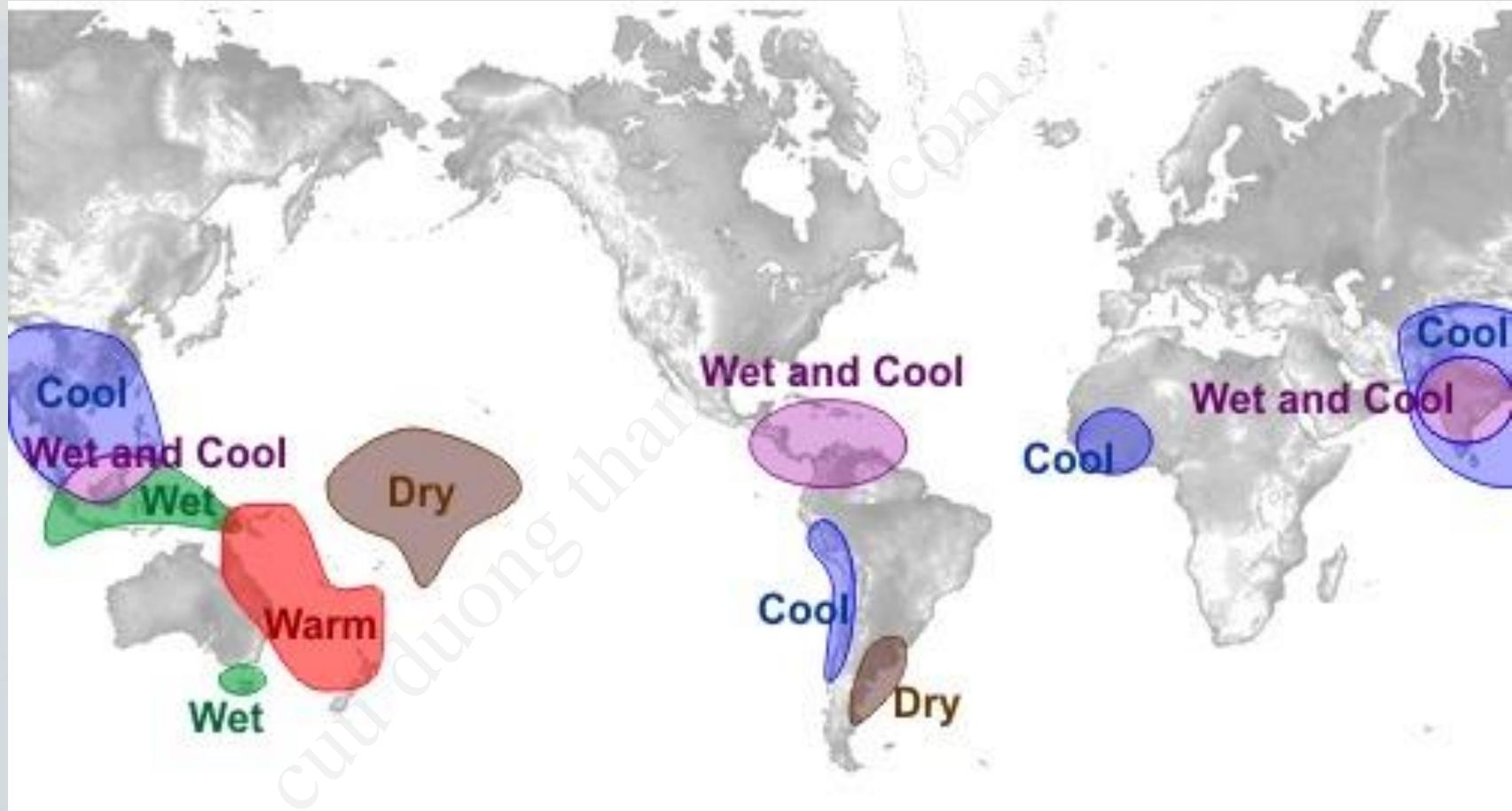
## Các thay đổi về khí hậu vào tháng 6-8 khi có El Nino



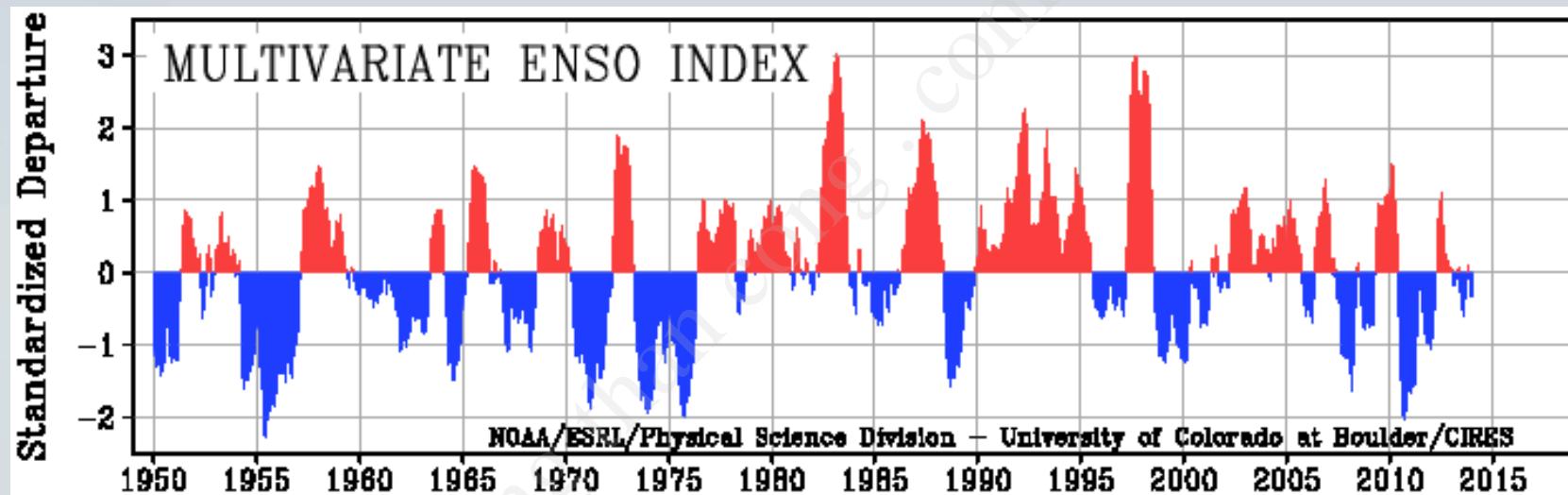
## Các thay đổi về khí hậu vào tháng 12-02 khi có La Nina



## Các thay đổi về khí hậu vào tháng 6-8 khi có La Niña

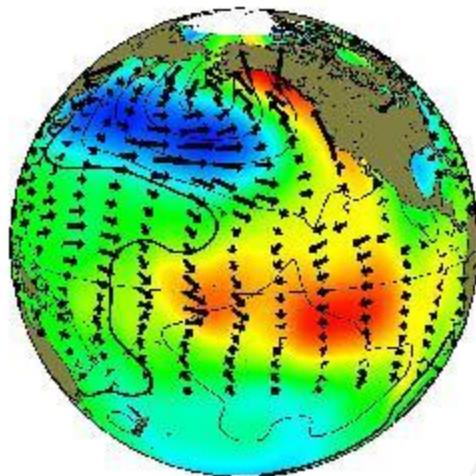


## El Nino Index

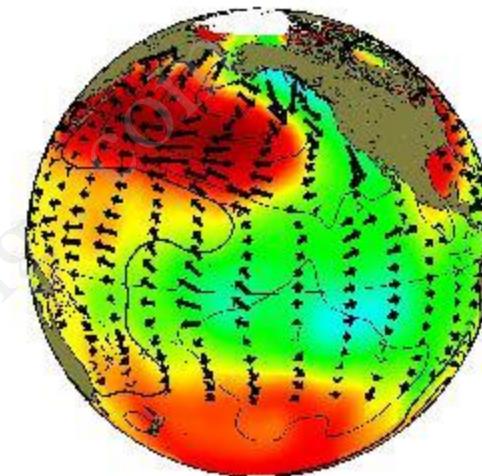


# The Pacific Decadal Oscillation (PDO)

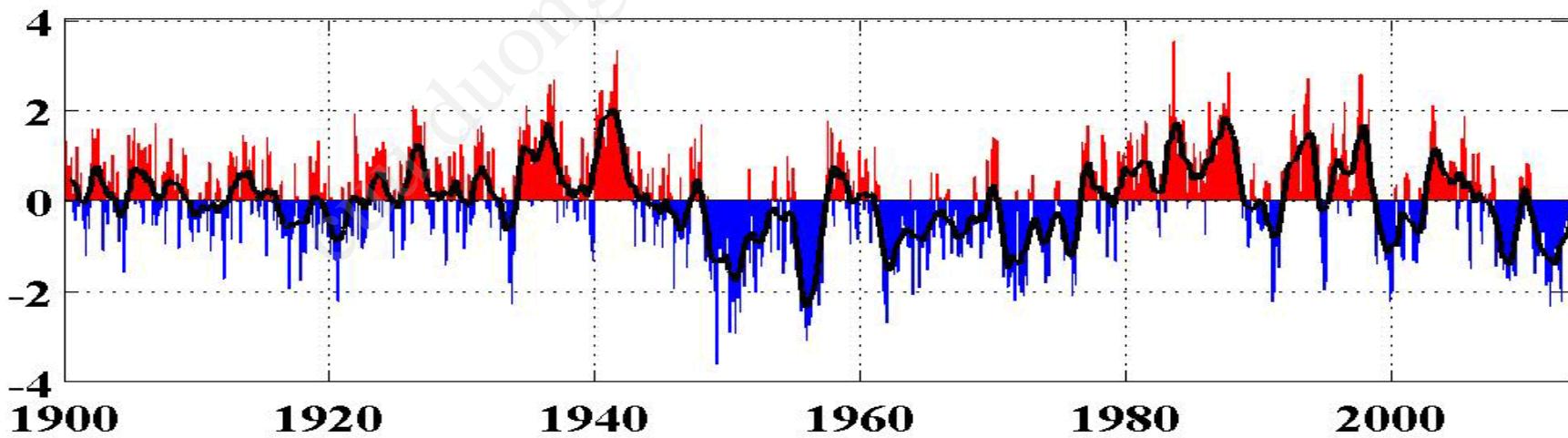
warm phase



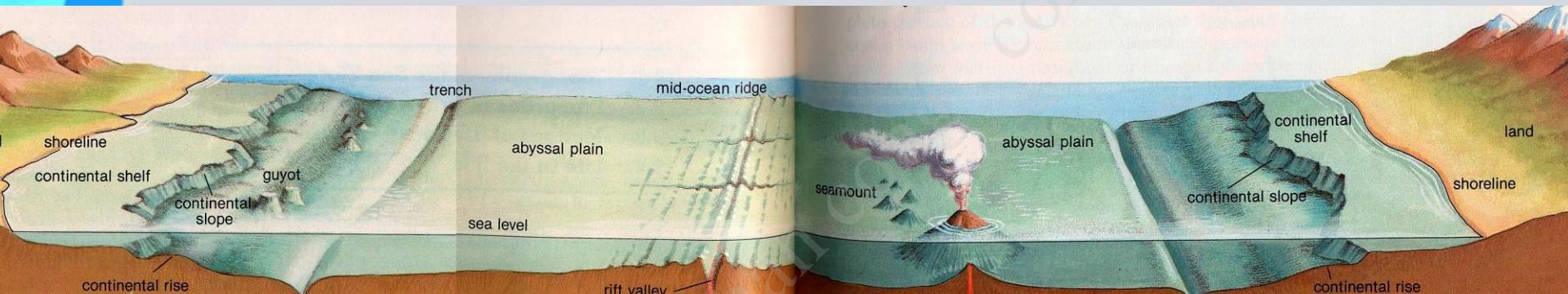
cool phase

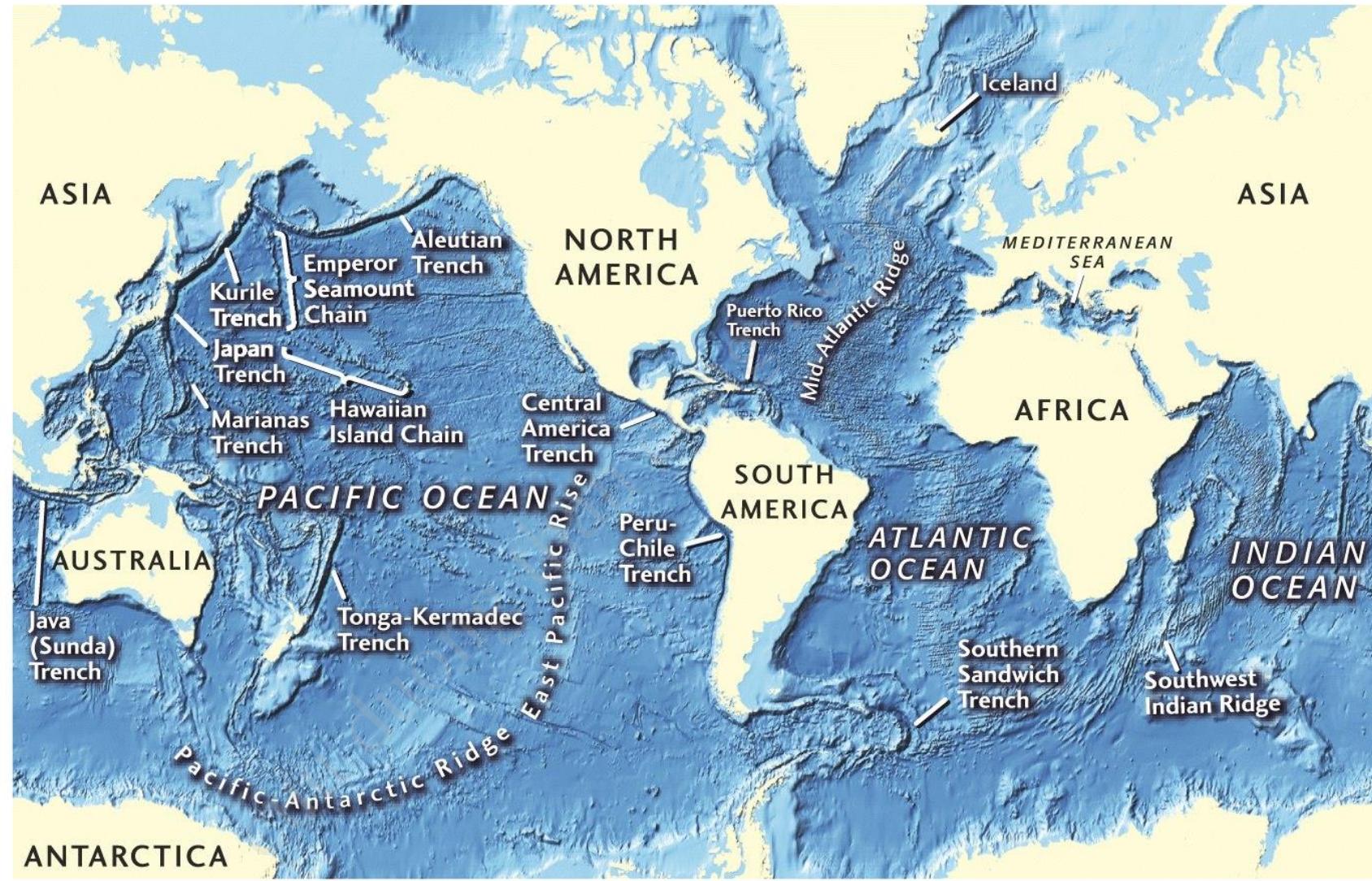


**monthly values for the PDO index: 1900-2013**

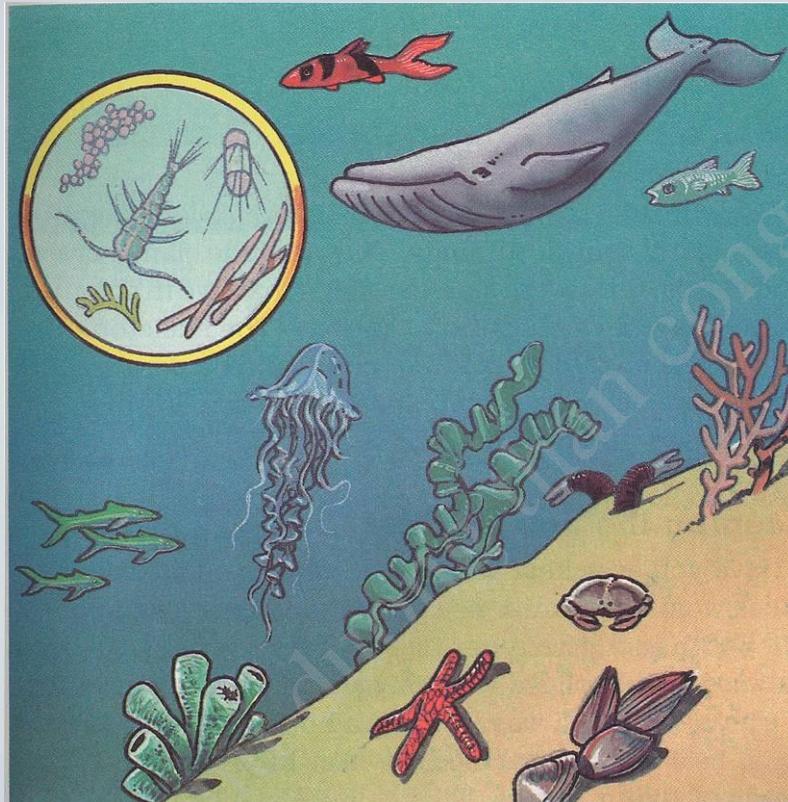


# Địa hình đáy biển



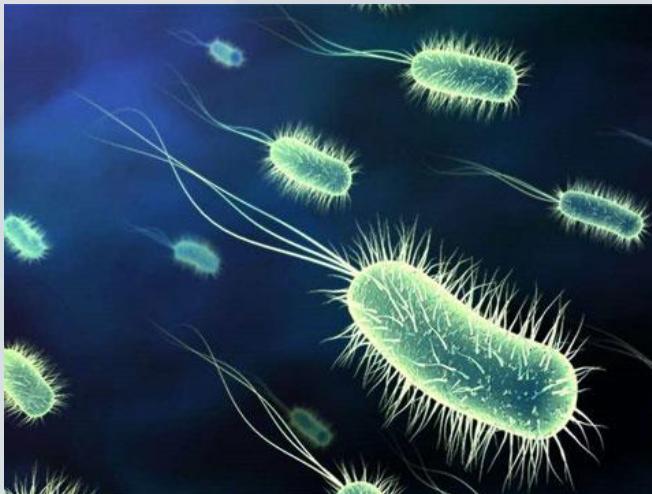


# Đời sống của sinh vật ở biển

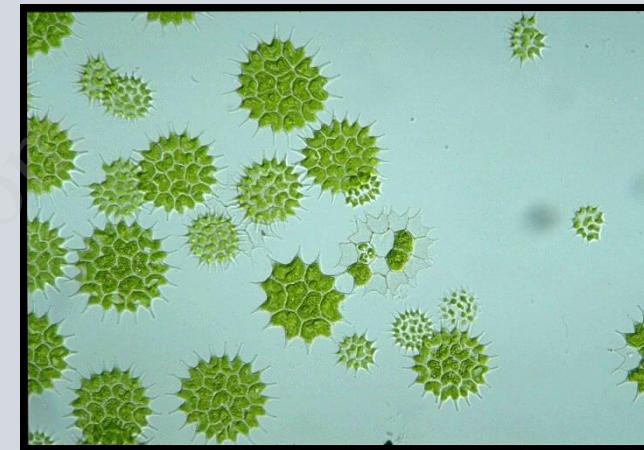


- Nhóm plankton
- Nhóm nekton
- Nhóm benthos

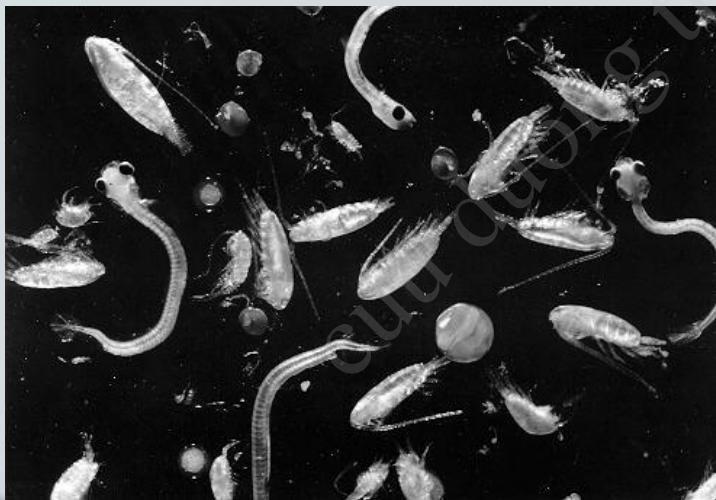
# Các nhóm sinh vật thuộc plankton



Vi khuẩn



Tảo



Một số loài thuộc nhóm plankton

# Các nhóm sinh vật thuộc Nekton

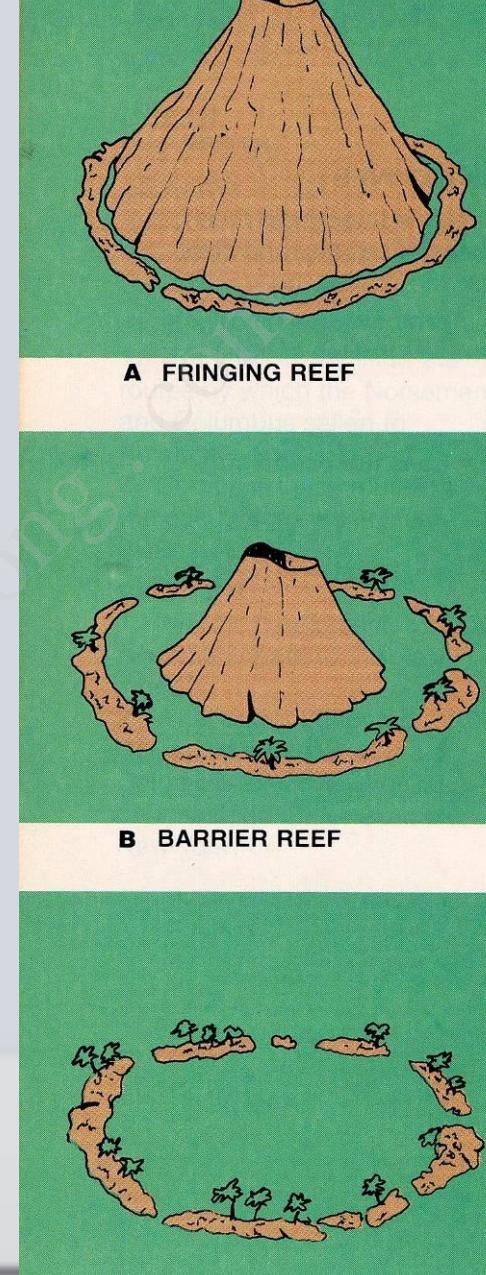


# Các nhóm sinh vật thuộc Benthos



# Hình thành của ám tiêu san hô hình vòng

Atoll





Đảo san hô hình vòng  
Quần đảo Tahiti

Đảo Bora-bora, Tahiti

<http://uashome.alaska.edu/%7Ejsat2/Project/017/PYHS103ProjectAiTakahashi2-3.html>

<http://www.csun.edu/science/books/sourcebook/chapters/8-organizing/files/earth-systems-interactions.html>